TỔNG QUAN
VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG CỦA MỸ

Sách tham khảo dành cho sinh viên - học sinh muốn du học tại Mỹ

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Tổng quan về hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng của Mỹ

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
& CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
PHỐI HỢP THỰC HIỆN

TỔNG QUAN
VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG CỦA MỸ

Sách tham khảo dành cho sinh viên - học sinh muốn du học tại Mỹ

Người dịch:
NGUYỄN VẠN PHÚ

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

The translation and publication of this book in the Vietnamese language were made possible through the financial support of the Public Affairs Section, Embassy of the United States of American in Hanoi.

Tập sách này được dịch và xuất bản bằng tiếng Việt với sự hỗ trợ về tài chính của Phòng Thông tin - Văn hóa Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội.

Dịch từ nguyên tác tiếng Anh
A Brief Guide to U.S Higher Education-
American Council on Education - 2001

Lời tựa

Cuốn sách này được biên soạn nhằm cung cấp những thông tin cơ bản về hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng cho những người đến thăm nước Mỹ, những người Mỹ quan tâm đến việc học lên cao ở bậc giáo dục đại học, cao đẳng, và những người nước ngoài muốn có một cái nhìn tổng quan về hệ thống giáo dục đại học, cao đẳng của nước này. Cuốn sách có cập nhật thông tin của cuốn **An International Visitor's Guide to Higher Education in the United States** *(Giới thiệu về hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng ở Mỹ dành cho du khách quốc tế) của Hội đồng Giáo dục Mỹ (ACE) được xuất bản năm 1999. Trong cuốn sách hướng dẫn này có danh sách các tổ chức và cơ quan của chính phủ Mỹ có liên quan đến giáo dục quốc tế. Cuốn sách được soạn thảo dựa trên nhiều nguồn tài liệu, trong đó có cuốn* **Digest of Education Statistics** *(Thống kê giáo dục) của Bộ Giáo dục Mỹ,* **Open Doors** *của Viện Giáo dục quốc tế, và* **The Chronicle of Higher Education Almanac**.

Cuốn sách đã được Fred M. Hayward xem xét lại toàn bộ vào năm 1999 với sự đóng góp của Madeleine F.Green, Barbara Turlington và sự giúp đỡ của Muara Porcelli và Lisa Rosenberg.

Phần I

Giới thiệu hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng của Mỹ

Tổng quan

Trong 50 năm qua, hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng* ở Mỹ đã trải qua nhiều thay đổi, trong đó đáng chú ý nhất là việc chuyển hướng sang hình thức giáo dục tập trung. Đến năm 1999, 66%[1] dân số Mỹ có trình độ đại học hoặc cao đẳng so với con số 18% vào năm 1940 và 25% vào năm 1967. Tính đến nay,

---

** Ở Mỹ, "higher education" là từ chỉ hệ thống giáo ở bậc đại học và cao đẳng sau cấp bậc phổ thông trung học. Các trường học ở cấp bậc giáo dục này được gọi là đại học, cao đẳng hoặc học viện. Giáo dục sau phổ thông trung học (postsecondary education) là một từ có phạm vi rộng hơn, nó bao gồm hệ thống các trường đại học và cao đẳng, các trường hướng nghiệp và dạy nghề.*

1. Bộ Giáo dục Mỹ, "Tỉ lệ những người 25-29 tuổi đã trải qua ít nhất một trường cao đẳng". *The Condition of Education: 2000,* Bảng số 38

Mỹ có tỉ lệ học sinh học tiếp lên đại học hoặc cao đẳng đạt 52%, cao hơn rất nhiều nước trên thế giới, như: Canada (49%), Vương quốc Anh (43%), Pháp (33%), Hungary (20%), Thái Lan (14%)[2], Mexico (14%), Trung Quốc (6%); Senegal (3%)[3].

Hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng của Mỹ hiện nay đang hoạt động khá thông thoáng, không chịu sự quản lý tập trung nhiều, và có rất nhiều ngành học đa dạng, phong phú. Mặc dù ở cấp quốc gia là Bộ Giáo dục, sự quản lý tập trung và quyền hạn của bộ này cũng rất hạn chế. Thay vào đó, 50 bang của Mỹ đều có quyền hạn và trách nhiệm trong việc giám sát, quản lý hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng của riêng mình. Mỹ không có một cơ quan quản lý giáo dục quốc gia mang tính trung ương – điều thường xảy ra ở nhiều nước khác trên thế giới.

Trong số 4.064 tổ chức đào tạo đại học và cao đẳng ở Mỹ theo số liệu năm 1998, 58% là của tư nhân. Tuy nhiên, số sinh viên dự thi vào các trường công lại chiếm đến 79%.[4] Các trường đại học dành cho nghiên cứu và cấp bằng tiến sĩ chỉ chiếm 7% trong tổng số các trường

---

2. Ủy ban Boyer về giáo dục những người chưa tốt nghiệp đại học ở các trường đại học nghiên cứu, *Reinventing Undergraduate Education: A Blueprint for America's Research Universities, 1997*, trang 5, sử dụng các số liệu dự báo của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) về số sinh viên trên 15 tuổi.

3. Các con số tổng ở Mexico, Trung Quốc và Senegal thể hiện tỉ lệ nhập học của "nhóm lứa tuổi chính thức" theo xác định của chính phủ cho nhóm lứa tuổi đó. Từ cuốn *UNESCO Statistical Yearbook, 1999*.

4. Bộ Giáo dục Mỹ, Trung tâm Thống kê giáo dục quốc gia, *Digest of Education Statistics, 2000*, Bảng 172, 173.

đại học và cao đẳng nhưng tổng số sinh viên theo học chiếm đến 27%. Các trường chuyên ngành chỉ cấp chứng chỉ cho một số lĩnh vực cụ thể nào đó (như điện tử và thẩm mỹ học (cosmetology)) chiếm khoảng 19% trong tổng số các trường đại học và cao đẳng, nhưng tổng số sinh viên theo học chỉ chiếm khoảng 3%. Như sơ đồ 2 cho thấy, các trường cao đẳng có thời gian khóa học kéo dài 2 năm chiếm tỉ lệ lớn nhất: 42%. Các trường này cấp bằng cao đẳng (associate degree) hoặc tổ chức các khóa học ngắn hạn cấp chứng chỉ. Các trường đại học có thời gian khóa học kéo dài 4 năm chiếm 15%.[5]

Vào năm 1998 có khoảng hơn 14 triệu sinh viên đang theo học ở cấp phổ thông trung học [6].Trong 50 năm qua, ngoài số sinh viên không ngừng tăng lên, thành phần sinh viên cũng có nhiều thay đổi. Ít hơn 25% số sinh viên hiện nay là "sinh viên truyền thống" – tức là những sinh viên ở độ tuổi 18-22, độc thân, lệ thuộc gia đình về mặt tài chính, sống và học ở trong trường toàn thời gian. Ở hầu hết các trường, ngoại trừ các đại học và cao đẳng có tính chọn lựa cao, hơn 50% số sinh viên có độ tuổi trên 25, đang làm việc và chỉ đến trường bán thời gian.

Giáo dục đại học và cao đẳng ở Mỹ là một ngành có giá trị ước đạt 197 tỉ đô-la Mỹ và chiếm 3% tổng sản phẩm trong nước (GDP) của nước này [7].Ngành

---

5. The Carnegie Foundation for the Advancement of Teaching, *A Classification of Institutions of Higher Education, 2000.*

6. *Digest of Education Statistics, 2000*, Bảng 173.

7. *Digest of Education Statistics, 2000*, Bảng 331, 31

này sử dụng 2% lực lượng lao động của Mỹ, và khoảng 1/3 số này tham gia giảng dạy trực tiếp. Khoảng 70% số sinh viên nhận được sự hỗ trợ về tài chính[8]. Trong năm học 1999-2000, số tiền tài trợ cho sinh viên lên đến 68 tỉ đô-la Mỹ; 70% số này là các khoản vay ngân hàng hoặc là học bổng của chính quyền liên bang[9]. Đa số các sinh viên đều tham gia các công việc bán thời gian để bù đắp một phần phí học tập.

Ở Mỹ, chính quyền các bang cấp giấy phép thành lập các trường đại học hoặc cao đẳng. Tuy nhiên, việc kiểm định chất lượng các trường là một việc làm tự nguyện và phi chính phủ do các tổ chức phi lợi nhuận tiến hành. (Xem chi tiết ở phần Kiểm định, chất lượng và tiêu chuẩn).

Tuỳ theo loại trường mà các cơ quan chức năng quản lý và các nguồn kinh phí cũng khác nhau. Các trường tư thường có các hội đồng quản trị độc lập và hoạt động lệ thuộc rất nhiều vào nguồn thu từ học phí đóng góp của sinh viên. Các trường này không nhận được sự trợ cấp của chính quyền tiểu bang hay liên bang. Tuy nhiên, những trường đã được kiểm định có thể dùng các quỹ nghiên cứu, quỹ học bổng hoặc cho vay của chính quyền tiểu bang hay liên bang. Các trường tư thường có hai dạng: phi lợi nhuận (trong đó có một số trường gắn liền với các tổ chức tôn giáo) và vì lợi nhuận. Trong cuốn sách hướng dẫn này, "các trường tư" được hiểu là các tổ chức phi lợi nhuận nếu không có giải thích gì khác.

8. Cùng tài liệu trên, Bảng 321.

9. The College Board, *Trends in Student Aid*, Tháng 10-2000.

Các trường công chịu sự quản lý của các hội đồng quản trị trường, do chính quyền các tiểu bang bổ nhiệm, hoặc trong một vài trường hợp, ví dụ như các đại học cộng đồng thì do chính quyền thành phố, hoặc hạt bổ nhiệm. Theo truyền thống, nguồn thu lớn nhất của các trường này là tài trợ lấy từ nguồn thu thuế của bang (hoặc thành phố, hạt). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, chính quyền một số bang đã cắt giảm tài trợ xuống chỉ còn khoảng 1/4 nguồn thu của các trường công.

Vai trò của chính quyền liên bang và Bộ Giáo dục Mỹ

Chính quyền liên bang Mỹ không quản lý và cũng không phải là cơ quan tài trợ chính của giáo dục đại học Mỹ như chính quyền của đa số các nước vẫn thường làm thông qua Bộ Giáo dục đào tạo (ngoại trừ một số trường trực thuộc quản lý của chính quyền liên bang như Đại học Howard, các học viện quân sự và 28 trường của các bộ lạc thiểu số). Thay vào đó, mỗi bang tự chịu trách nhiệm về hầu hết các vấn đề liên quan đến giáo dục trong phạm vi của bang mình. Thẩm quyền của chính quyền bang đối với các trường đại học và cao đẳng của tư nhân cũng rất hạn chế.

Bộ Giáo dục Mỹ tham gia ban hành các quy định về giáo dục trong một chừng mực nhất định. Các lĩnh vực quan tâm chủ yếu của Bộ Giáo dục Mỹ bao gồm: (1) việc sử dụng có trách nhiệm nguồn ngân quỹ của bang cho các trường đại học và cao đẳng thông qua các hợp đồng hoặc các tài trợ và cho các sinh viên theo học tại các trường này; (2) thực thi các đạo luật có liên quan

đến giáo dục đại học và cao đẳng, như Đạo luật về Quyền công dân; (3) các chương trình nhằm khuyến khích phát triển một số chương trình giảng dạy, như đào tạo về ngoại ngữ và các chương trình nghiên cứu vùng; (4) các chương trình đặc biệt nhằm tạo điều kiện cho những người khuyết tật có thể theo học đại học hoặc cao đẳng; (5) quỹ liên bang cho công tác nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực, trong đó có y tế, khoa học, nghiên cứu quốc tế, vũ trụ, và môi trường.

Vai trò của các tiểu bang

Hầu hết các trường đại học và cao đẳng đều do các tiểu bang thành lập (đối với các trường đại học và cao đẳng công) hoặc được thành lập theo các điều lệ (đối với các trường tư). Chính quyền các tiểu bang ban hành các luật lệ và cấp phép hoạt động thường xuyên cho các trường, mặc dù một số cơ quan phi chính phủ thực hiện việc kiểm định các trường. Các Sở Giáo dục, ban đại học và cao đẳng của các tiểu bang, và trong một số trường hợp, các trường đại học của bang hoặc các uỷ ban đặc biệt của một tiểu bang chia sẻ trách nhiệm quản lý các trường đại học và cao đẳng trong tiểu bang đó. Các trường đại học và cao đẳng của tư nhân có hội đồng quản trị riêng nhưng đều phải tuân theo các đạo luật của liên bang, áp dụng cho các tổ chức hoạt động vì lợi nhuận và phi lợi nhuận.

Việc một trường được chính quyền các tiểu bang cấp giấy phép hoạt động thì không có nghĩa là trường đó đã qua kiểm định chất lượng. Trên thực tế, nhiều trường "đại học" hoặc "cao đẳng" được chính quyền các bang cấp phép hoạt động không phải là những tổ chức có đủ tư

cách mà chỉ là những "nhà máy sản xuất bằng cấp" – hoạt động của các trường này chủ yếu là cấp bằng giả.

Các loại trường đại học và cao đẳng ở Mỹ

Các trường ở cấp sau giáo dục phổ thông trung học Mỹ gồm có ba loại hình chính, mỗi loại hình đều có cả trường công và trường tư: (1) các trường 2 năm, thường gọi là trường cộng đồng, kỹ thuật hay cao đẳng; (2) trường 4 năm: các trường này thường có các khóa học chuyên môn 4 năm về giáo dục đại cương hoặc kết hợp giữa giáo dục đại cương và tiền chuyên môn (preprofessional); (3) các trường đại học tổng hợp: các trường này vừa có các chương trình cử nhân (undergraduate) vừa có chương trình sau đại học (graduate) và các khóa học chuyên ngành. Tuy nhiên, tên gọi của các trường rất dễ gây nhầm lẫn, bởi vì mỗi bang đều có các quy định và truyền thống riêng. Chẳng hạn, nhiều trường vẫn được gọi là "đại học" (university) nhưng lại không có các khóa học sau trình độ thạc sĩ, một số khác lại chỉ có thể tổ chức khóa học cấp bằng cử nhân mà thôi. Một số ít các trường đại học nghiên cứu có uy tín còn được gọi là "viện" (institute), ví dụ: Viện Công nghệ California hay Viện Công nghệ Massachusetts. Ngoài ra, còn có nhiều trường gọi là đại học hay viện không được kiểm định chất lượng nhưng vẫn cấp bằng và chứng chỉ.

Các trường đại học 2 năm

Ở Mỹ, có khoảng 1.727 trường cao đẳng kỹ thuật và cộng đồng, trong số đó có 652 trường của tư

nhân [10]. Mặc dù trước đây các trường kỹ thuật chỉ tập trung vào một số môn học thuộc lĩnh vực công nghệ, nhưng nay các trường này cũng đưa vào giảng dạy một số khóa học thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội và nghệ thuật. Để phù hợp với tình hình thực tế, tên trường cũng có thể thay đổi theo, lúc gọi là "cao đẳng", lúc gọi là "cộng đồng" hay "kỹ thuật". Trường cao đẳng cộng đồng, như tên gọi của nó, chủ yếu phục vụ cho một vùng, một hạt nào đó. Các trường cao đẳng địa phương có 4 loại chương trình khác nhau:

Các chương trình chuyển đổi

Các sinh viên có thể hoàn tất 2 năm học đầu về khoa học xã hội và nhân văn hay về một ngành nghề chuyên môn, như: y khoa, kinh doanh, luật hay kỹ thuật công nghệ và sau đó chuyển tiếp lên đại học 4 năm để hoàn tất bằng cử nhân (baccalaureate degree).

Các chương trình phát triển hay hoàn thiện

Nhiều sinh viên cần các chương trình được thiết kế riêng cho họ nhằm nâng cao một vài kỹ năng nào đó (như kỹ năng đọc hay làm toán) để giúp họ có thể tiếp tục theo đuổi việc học ở bậc đại học hay nâng cao năng lực làm việc trong nghề nghiệp của mình. Còn các chương trình hoàn thiện được thiết kế dành cho các sinh viên đã gián đoạn việc học

---

10. Digest of Education Statistics, 2000, Bảng 5.

trong nhiều năm, cần nắm bắt lại những kiến thức cơ bản, và có một giai đoạn chuyển tiếp để có thể thích nghi với cách học ở bậc đại học. Một phần lớn các sinh viên không sử dụng tiếng Anh như là ngôn ngữ bản xứ cũng cần tham gia các khóa học hoàn thiện tiếng Anh như là một ngôn ngữ thứ hai. Những chương trình này thường không nằm trong danh sách các môn học được cấp tín chỉ.

Các chương trình giáo dục thường xuyên và dành cho người lớn

Những chương trình này thường không cấp tín chỉ mà chỉ tập trung vào những yêu cầu phát triển nghề nghiệp hay những môn học thuộc về năng khiếu, sở thích, văn hoá hoặc phục vụ lĩnh vực giải trí.

Các chương trình dạy nghề / kỹ thuật

Khoảng 60% số sinh viên của các trường đại học 2 năm tham dự các chương trình lấy chứng chỉ hoặc các chương trình khác giúp họ tìm việc làm, nâng cao kỹ năng làm việc, và để thích nghi dễ dàng với những thay đổi trong công việc. Những chương trình này có một tầm quan trọng rất lớn đối với các lực lượng lao động dễ bị lạc hậu về kỹ năng hoặc bị dư thừa trong khoảng thời gian 2-3 năm.

Các trường đại học 4 năm

Các trường đại học 4 năm cấp cử nhân là một hạt nhân cho tất cả các cơ sở đào tạo đại học ở Mỹ phát

triển. Các sinh viên thường được nhận vào một trường đại học nào đó, chứ không phải một khoa hay một chương trình, và được chọn chuyên ngành học cho mình sau 1 hoặc 2 năm giáo dục đại cương. Những ngành học này có thể thuộc lĩnh vực nghệ thuật, khoa học tự nhiên, hoặc khoa học xã hội và nhân văn. Các sinh viên thường phải học hết ba lĩnh vực này vì đó là nền tảng to lớn để giúp họ có thể theo đuổi việc học lâu dài sau này khi bước vào giai đoạn học chuyên ngành chính (major). Thời gian 2 hay 3 năm cuối thường được dành cho việc học các môn chuyên ngành chính mà sinh viên đã chọn.

Các trường đại học tổng hợp

Đại học tổng hợp được hình thành từ một nhóm trường hoặc chuyên khoa nhỏ, và thường có nhiều trường ở cấp cử nhân (thuộc các ngành như khoa học xã hội và tự nhiên, các chương trình về các kiến thức chuyên môn như kỹ thuật công nghệ hay kinh doanh), các trường sau đại học (graduate schools) (các trường này có khi bao gồm một trường chuyên khoa kết hợp với các chương trình cử nhân), và các trường chuyên ngành (sau cử nhân). Chương trình cử nhân thường bao gồm 2 năm đại cương và 2 năm học tập trung về một ngành học chính nào đó.

Ở cả hai cấp độ cử nhân và sau cử nhân đều có một số chương trình công nghệ và chuyên ngành, như: nông nghiệp, quản trị kinh doanh, kỹ thuật công nghệ, điều dưỡng, và giảng dạy. Một số ngành khác như y khoa, nha khoa, luật chỉ được giảng dạy ở cấp bậc sau tốt nghiệp (với các chương trình dự bị ở cấp

bậc chưa tốt nghiệp đại học). Ngoài các chương trình học lấy bằng cử nhân, các trường đại học còn tổ chức các chương trình học lấy bằng thạc sĩ và tiến sĩ. Các trường đại học nghiên cứu là những trường coi trọng lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy các chương trình sau cử nhân ở cấp tiến sĩ. (Xem sơ đồ 2, 3 để biết thêm về các loại trường này).

Cơ cấu tổ chức quản lý của các trường đại học và cao đẳng

Cơ cấu tổ chức của một trường đại học phản ảnh quy mô, phương châm, mục tiêu đào tạo của trường đó và thường bị chi phối bởi một số thứ tự ưu tiên dựa trên các lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu, và dịch vụ công.

Các trường đại học có nhiều cấp bậc quản lý khác nhau, mỗi cấp bậc có những chức năng cụ thể riêng biệt. Sơ đồ 4 mô tả 3 cấp bậc quản lý và mối liên hệ tương quan giữa các cấp bậc này. Ở hầu hết các trường, cơ cấu tổ chức quản lý đôi khi không được rõ ràng như mô tả ở đây. Việc quản lý ở các trường như vậy thường được chia sẻ giữa các bộ phận khác nhau.

Hội đồng quản trị

Trong lĩnh vực quản lý, các trường đại học ở Mỹ đều có những đặc điểm tương tự như nhau. Nhìn chung, cấp bậc quản trị cao nhất của các trường là bộ phận hoạch định chính sách hay lãnh đạo. Bộ phận này có thể có

nhiều tên gọi khác nhau, như: hội đồng quản trị (board of regents, board of trustees) hay ban lãnh đạo (board of governors). Đối với các trường công, các thành viên của hội đồng quản trị có thể do thống đốc bang chỉ định, hoặc do các cử tri bầu ra, hoặc do các nhóm mà họ đại diện chọn ra (ví dụ cựu sinh viên). Đối với các trường tư, hội đồng quản trị thường do trường tự thành lập: sau khi hết nhiệm kỳ, các thành viên của hội đồng quản trị tự chọn ra các thành viên cho hội đồng quản trị mới. Trong nhiều trường hợp, một số nhóm khối (ví dụ cựu sinh viên) có thể bầu ra những người đại diện cho riêng mình. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chỉ định viện trưởng (president hoặc chancellor) cho trường và xây dựng chính sách đào tạo, tài chính, hoặc tổng quát để bảo đảm trường hoạt động có hiệu quả. Mặc dù hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của trường nhưng họ thường chia sẻ quyền lực và trách nhiệm với hiệu trưởng, hội đồng chuyên môn và các tổ chức khác của trường. Chẳng hạn, trong lĩnh vực đào tạo chuyên môn, thẩm quyền cao nhất thường thuộc về tập thể giáo sư, mà đại diện là hội đồng chuyên môn và các uỷ ban. Tuy nhiên, nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực đào tạo chuyên môn vẫn cần phải có phê duyệt cuối cùng của hội đồng quản trị.

Hiệu trưởng (Chief Executive Officer hay President hay Chancellor)

Viện trưởng là người giám sát hoạt động hàng ngày của trường; bảo đảm các chính sách do hội đồng quản trị đưa ra được thực thi đúng; và tạo điều kiện thuận lợi cho

các chương trình đào tạo bằng cách làm việc với các khách hàng khác nhau như sinh viên và tập thể giảng dạy. Viện trưởng còn có một nhiệm vụ, tầm quan trọng ngày càng tăng, đó là tìm nguồn kinh phí cho trường. Hiệu trưởng còn là chiếc cầu nối giữa hội đồng quản trị với cộng đồng trường. Viện trưởng có thể thay mặt cho tập thể giảng dạy đưa các kiến nghị về hoạch định chính sách giáo dục lên hội đồng quản trị của trường. Ở hầu hết các trường, viện trưởng do hội đồng quản trị bầu ra và có nhiệm vụ báo cáo cho hội đồng quản trị. Đối với các trường lớn có nhiều cơ sở, người đứng đầu mỗi cơ sở thường báo cáo cho hiệu trưởng.

Hiệu phó (Vice president) và chủ nhiệm khoa (Dean)

Hiệu phó chuyên môn (Academic vice president/dean)

Hiệu phó chuyên môn (academic vice president) - ở Mỹ còn được gọi là provost hay trưởng khoa – là người đứng đầu về mặt đào tạo chuyên môn của một trường đại học hay cao đẳng. Viện phó chuyên môn cũng là người xem xét và phê duyệt việc bổ nhiệm giảng viên của các khoa, chỉ định và giám sát các cán bộ quản lý của khoa, xem xét và phê duyệt các chính sách quản lý trong các lĩnh vực giáo dục, và hỗ trợ các trưởng khoa trong việc đánh giá và tư vấn cho các thành viên giảng dạy của khoa. Viện phó chuyên môn làm việc chặt chẽ với ban giảng huấn trong các vấn đề về đào tạo chuyên môn và chịu trách nhiệm xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Hầu hết các trường đều có các viện phó

phụ trách các lĩnh vực khác, như: tài chính, kế hoạch, vụ sinh viên... tuỳ thuộc vào quy mô và cơ cấu tổ chức của mỗi trường (xem sơ đồ 4).

Trưởng khoa sau cử nhân (Graduate dean)

Trưởng khoa sau cử nhân (còn được gọi là viện phó hay trưởng khoa nghiên cứu sau đại học) là người chịu trách nhiệm về các chương trình sau cử nhân và các công trình nghiên cứu được tiến hành cùng với các hoạt động khác của trường. Ngoài ra, trưởng khoa sau cử nhân còn chịu trách nhiệm đánh giá các chương trình, khởi xướng, kết thúc các chương trình, giám sát ban giảng huấn sau cử nhân và quản lý các công trình nghiên cứu. Tuỳ theo quy mô và mức độ tập trung trong quản lý của mỗi trường, trưởng khoa sau cử nhân có thể đảm nhiệm tất cả các nhiệm vụ này hoặc phối hợp với các bộ phận quản lý bán độc lập khác. Trưởng khoa nghiên cứu sau cử nhân cũng chịu trách nhiệm phối hợp với các chương trình nghiên cứu của trường dựa trên nguồn kinh phí tài trợ bởi chính quyền tiểu bang, liên bang và lĩnh vực kinh tế tư nhân.

Viện phó phụ trách vụ sinh viên (Dean of Students)

Đối với các sinh viên cử nhân, những kinh nghiệm thực tiễn bên ngoài lớp học sẽ góp phần cho họ học tốt hơn. Các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên có thể bao gồm việc tổ chức các câu lạc bộ, đội nhóm, các diễn đàn, tổ chức làm báo, biểu diễn văn nghệ. Viện phó phụ trách vụ sinh viên sẽ là người chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động này cũng như chịu trách nhiệm về vấn đề chỗ ở và các vấn đề khác của sinh viên.

Trưởng khoa hoặc trưởng phân hiệu (School dean)

Ở các trường đại học có nhiều khoa hay phân hiệu riêng biệt, trưởng khoa hay trưởng phân hiệu là người đứng đầu các đơn vị này.

Trưởng khoa (Department chair)

Đơn vị cơ bản nhất của bộ phận đào tạo chuyên môn ở hầu hết các trường đại học và cao đẳng là khoa (như ban hóa học, ban chính trị học...). Trưởng ban là người chịu trách nhiệm quản lý việc giảng dạy; đại diện cho quyền lợi về nhân sự, tài chính, và chương trình đào tạo chuyên môn của khoa; và đề nghị tuyển dụng giảng viên mới. Trưởng khoa đóng vai trò là chiếc cầu nối giữa trưởng phân hiệu hay hiệu trưởng (của một tổ chức lớn) hay hiệu phó chuyên môn và các thành viên của khoa. Những nhiệm vụ chính của các trưởng khoa là: cùng với các thành viên trong biên chế của ban tuyển dụng giảng viên, xem xét, đánh giá việc tái bổ nhiệm nhân sự và việc tăng lương. Trưởng ban làm việc với bộ phận giáo vụ để phản ảnh những nhu cầu của sinh viên, đóng vai trò làm cầu nối với các bộ phận khác, xây dựng và phát triển mối quan hệ với các sinh viên theo học các chuyên ngành của khoa và giải quyết các vấn đề giảng dạy trong khoa. Các trưởng khoa có thể do các thành viên của khoa chuyên môn bầu ra hay do lãnh đạo nhà trường chỉ định và trong một số trường hợp do cả hai bộ phận này chỉ định.

Một số cán bộ quản lý hành chính khác

Tuỳ theo quy mô của mình, mỗi trường có thể bầu ra các cán bộ quản lý khác. Các cán bộ này thường chuyên trách về các lĩnh vực, như: các chương trình sau cử nhân, các vấn đề về ngân sách và tài chính của trường, vấn đề tuyển sinh, tìm nguồn hỗ trợ tài chính, quản lý chỗ ở của sinh viên, tư vấn cho sinh viên nước ngoài, và một số các hoạt động học tập và ngoại khóa khác.

Cán bộ hành chính của phòng đào tạo (Registar)

Cán bộ này là người chịu trách nhiệm chính trong việc lưu giữ hồ sơ sinh viên. Phòng giáo vụ phụ trách việc đăng ký học của sinh viên, đảm bảo các điều kiện để cấp bằng, cấp chứng chỉ, bằng khen danh dự cho các sinh viên, yêu cầu các giảng viên cung cấp điểm cho sinh viên, lưu giữ bảng điểm của sinh viên, thông báo cho Phòng tư vấn sinh viên về các trường hợp sinh viên không đủ điểm, và thông báo cho các cán bộ hay các uỷ ban liên quan về các trường hợp sinh viên không đạt được các tiêu chuẩn tối thiểu. Phòng giáo vụ còn lập danh sách các sinh viên đã đăng ký; lên các lịch trình và bảo đảm các lịch trình này được thực hiện đúng hạn; sắp xếp giờ học của các lớp; lên lịch thi cử; xem xét các yêu cầu thay đổi các lịch trình này.

Trưởng phòng phát triển (Chief development officer)

Chức vụ này đôi khi được gọi là Viện phó phát triển (hay quan hệ đối ngoại, quan hệ cộng đồng). Nhiệm vụ chính của trưởng phòng phát triển là tìm

nguồn tài trợ cho trường, quảng bá thông tin, quan hệ và thông tin của sinh viên.

Cán bộ quan hệ với chính quyền (Government relations officer)

Đây là một vị trí thường có ở các trường công. Nhiệm vụ của người này là liên lạc với các cấp chính quyền của tiểu bang và liên bang. Đứng đầu phòng quan hệ với chính quyền thường là một viện phó phụ trách quan hệ đối ngoại. Nhiệm vụ của phòng này là lo về các vấn đề pháp lý, giao tế với công chúng, và liên lạc với các cơ quan, tổ chức của bang và quốc gia.

Ban giảng huấn (Faculty) và hội đồng chuyên môn (Senate)

Ban giảng huấn là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu tổ chức quản lý của các trường đại học và cao đẳng. Quyền hạn của các Ban giảng huấn có thể khác nhau tuỳ theo mỗi trường. Tuy nhiên, nhìn chung các thành viên của Ban giảng huấn đều có nhiệm vụ chính là xây dựng các chương trình đào tạo và nghiên cứu cho các trường và tham gia các lĩnh vực tài chính, kỷ luật đối với sinh viên, và hoạch định chiến lược. Trong đa số các trường hợp, Ban giảng huấn thực hiện thẩm quyền của mình thông qua hội đồng chuyên môn hay các uỷ ban. Ở các trường nhỏ hơn, các thành viên Ban giảng huấn họp lại để ra các quyết định về chương trình đào tạo, phương hướng nghiên cứu và một số vấn đề khác. Hội đồng chuyên môn là một bộ phận đại diện cho Ban giảng huấn, bao gồm các giáo sư đã vào biên chế. Nhiệm vụ chủ yếu của hội đồng chuyên môn là xây dựng các chương trình đào tạo và nghiên cứu.

Những quyết định của hội đồng chuyên môn thường phải đưa lên hiệu trưởng và hội đồng quản trị xem xét.

Ở hầu hết các trường đại học và cao đẳng của Mỹ, chức năng đào tạo chuyên môn thường được tách biệt với chức năng tài chính và quản trị. Chức năng quản lý và tài chính hoạt động mang tính hệ thống cấp bậc hơn với sự phân chia quyền hạn và trách nhiệm khá rõ rệt. Ở một số trường khác, các chức năng đào tạo chuyên môn và quản lý lại được thực hiện theo một hệ thống nghiêm ngặt, trong đó hiệu trưởng và hội đồng là người có quyền lực cao nhất và quyền hạn của Ban giảng huấn rất hạn chế. Còn ở các trường mà Ban giảng huấn có tổ chức công đoàn, chức năng quản lý cũng được tách biệt rõ ràng với chức năng giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ.

Kiểm định, chất lượng và tiêu chuẩn

Để đảm bảo chất lượng các trường, người ta dựa trên 2 tiêu chí: tầm quan trọng của chất lượng, tiêu chuẩn cao và tính độc lập của trường. Trong bối cảnh đó, tiến trình kiểm định đã phát triển trên cơ sở tự nguyện phi chính phủ và tự đánh giá. Bộ Giáo dục Mỹ không chịu trách nhiệm về việc kiểm định, quản lý chất lượng hay tiêu chuẩn của các trường – điều mà bộ giáo dục của các nước khác thường làm.

Có hai hình thức kiểm định, xếp loại cơ bản: kiểm định cấp trường (institutional) và kiểm định chương trình (specialized). Kiểm định trường là việc công nhận một trường với ý nghĩa là một tổng thể đạt được một số tiêu chuẩn chất lượng nào đó, còn kiểm định chương trình chỉ là việc công nhận chất lượng của một chương

trình giảng dạy cụ thể của một trường. Việc kiểm định chương trình rất phổ biến trong các ngành, như: y khoa, luật, khoa công tác xã hội, và báo chí.

Mục đích của việc kiểm định là nhằm bảo đảm cho các trường đại học và cao đẳng duy trì được các tiêu chuẩn về đào tạo chuyên môn, được quản lý tốt và có đủ tư cách để tham gia các chương trình giáo dục của liên bang. Để kiểm định một trường, các hiệp hội kiểm định thường cử các nhóm những nhà quản lý và Ban giảng huấn của các trường khác đến tìm hiểu thực tế của trường đó và đưa ra các nhận xét, đánh giá dựa trên một loạt các tiêu chuẩn về chất lượng và tính liêm chính. Thông thường, các nhà chuyên môn của lĩnh vực được đánh giá cũng tham gia quá trình này. Những người đánh giá đưa ra các kết luận về đánh giá và thông báo cho trường các quyết định của họ. Nếu một trường hay một chương trình không đạt các tiêu chuẩn đặt ra, trường đó sẽ nhận được thông báo rằng họ sẽ không còn được công nhận đủ tư cách nếu không hoàn thiện được các tiêu chuẩn đó trong một thời gian nhất định. Hội đồng Đánh giá các trường đại học và cao đẳng (Council for Higher Education Accreditation – CHEA) là cơ quan chịu trách nhiệm điều phối và giám sát việc đánh giá xếp loại các trường đại học và cao đẳng.

Kiểm định một trường

Việc kiểm định trường thường do các hiệp hội đánh giá khu vực hay quốc gia tiến hành. Tám hiệp hội đánh giá khu vực thực hiện việc đánh giá cho hầu hết các trường cấp bằng 2 năm hoặc 4 năm hoạt động phi lợi nhuận và một số trường dự bị. Các hiệp hội kiểm

định quốc gia thực hiện việc đánh giá cho các trường đại học và các trường chuyên ngành hoạt động vì lợi nhuận, các trường cấp bằng và các trường chỉ cấp chứng chỉ khóa học. Một số các trường dòng cũng được kiểm định bởi một hiệp hội quốc gia. Mặc dù kết quả kiểm định các trường thường được công nhận trong một thời hạn nhất định, thường là 10 năm, các tổ chức kiểm định cũng có quyền thực hiện việc đánh giá lại các trường hay các chương trình vào bất cứ lúc nào.

Việc kiểm định cấp trường tuy mang tính tự nguyện, nhưng rất cần thiết đối với sự tồn tại của một trường. Bởi vì, các bậc phụ huynh, học sinh và các nhà tư vấn giáo dục sẽ dựa trên cơ sở đó để quyết định việc chọn trường. Việc mất hoặc có nguy cơ bị mất chứng nhận kiểm định sẽ ảnh hưởng tới số lượng tuyển sinh đầu vào và trường đó cũng khó có thể tuyển được những giảng viên giỏi. Các trường cũng phải được kiểm định thì mới có thể xin được tài trợ của chính quyền liên bang – đây cũng là điều kiện tiền đề để nhận được hỗ trợ từ các tổ chức hội đoàn. Đối với các sinh viên muốn học tiếp lên trình độ sau cử nhân, một trong những điều kiện hàng đầu là họ phải tốt nghiệp từ một trường có kiểm định. Trong tuyển dụng, các công ty cũng ít khi công nhận bằng cấp do các trường không có chứng nhận kiểm định.

Kiểm định chương trình

Việc kiểm định này thường được áp dụng đối với các trường dạy nghề, các trường đào tạo chuyên môn hay các chương trình ngắn hạn nào đó và được thực hiện bởi các

uỷ ban do các tổ chức chuyên ngành quốc gia thuộc các lĩnh vực chuyên môn, như: kinh doanh, y học, nghệ thuật, múa, báo chí, kỹ thuật công nghệ, luật... lập ra. Mục đích là nhằm bảo đảm cho các chương trình, các trường chuyên ngành này đạt được một chất lượng đào tạo nhất định. Mỗi uỷ ban đánh giá có những thẩm quyền, tiêu chuẩn đánh giá và quy trình hoạt động riêng. Nhiều tổ chức chỉ thực hiện việc kiểm định cho các chương trình của các trường đã được công nhận qua quá trình đánh giá trường. Tuy nhiên, một số tổ chức cũng thực hiện việc đánh giá cho các chương trình chuyên môn của các trường độc lập vốn chỉ tổ chức các khoá học ngắn hạn. Bởi vì chứng nhận kiểm định này thường được sử dụng làm cơ sở để cấp giấy phép của các cơ quan cấp giấy phép, việc tốt nghiệp từ các chương trình này có một ý nghĩa rất quan trọng đối với các sinh viên muốn xin giấy phép hành nghề thuộc các lĩnh vực kiến trúc, nha khoa, kỹ thuật, luật, y khoa, điều dưỡng và nhiều nghề khác. (Danh sách các tổ chức đánh giá các chương trình chuyên môn có thể tìm thấy ở địa chỉ: www.ache.org).

Hội đồng kiểm định các trường đại học và cao đẳng (Council for Higher Education Accreditation – CHEA)

CHEA là tổ chức giúp bảo đảm tính độc lập của quá trình kiểm định chất lượng. CHEA là một tổ chức hội viên gồm các trường đại học và cao đẳng; các hiệp hội kiểm định các chương trình chuyên ngành của quốc gia và địa phương, các uỷ ban giáo dục đại học và cao

đẳng; các nhóm kiểm định các chương trình chuyên ngành và nghề nghiệp chuyên môn. CHEA quan tâm đến quy trình và chất lượng của việc kiểm định, thường xuyên kiểm tra lại kết quả của các tổ chức đánh giá và đặt ra các yêu cầu, tiêu chuẩn mới cho việc công nhận chất lượng của các trường và công nhận các trường đạt các tiêu chuẩn này. CHEA đứng ra điều phối các chương trình nghiên cứu, phân tích, và các cuộc thảo luận; thu thập và truyền bá thông tin về các hoạt động đánh giá và duy trì chất lượng; làm trung gian hòa giải trong các tranh cãi giữa các trường đại học, cao đẳng và các tổ chức đánh giá. Thông tin chi tiết về CHEA ở địa chỉ: www.chea.org.

Để biết thêm chi tiết về danh sách các tổ chức kiểm định, bạn có thể tham khảo cuốn *Accredited Institutions of Postsecondary Education* do ACE xuất bản hàng năm. Cuốn sách này thường có ở các Trung tâm Tư vấn giáo dục trực thuộc Bộ Ngoại giao Mỹ (trước đây là Trung tâm Tư vấn giáo dục trực thuộc Cục Thông tin Mỹ). Có thể tìm mua cuốn sách này trên mạng qua địa chỉ: www.acenet.edu/bookstore.

Phần II

Tuyển sinh, ban giảng huấn, sinh viên và việc giảng dạy

Tuyển sinh

Các tiêu chuẩn về tuyển sinh khác nhau tuỳ thuộc vào loại trường. Dựa trên nhiệm vụ chiến lược của mình, các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ lập ra các chính sách tuyển sinh. Ở một số trường, tuyển sinh mang tính cạnh tranh thông qua kết quả học tập, điểm các kỳ thi, thử giới thiệu năng lực tiếng Anh (đối với các sinh viên nước ngoài), các hoạt động xã hội và lãnh đạo, và thông thường còn thêm một bài viết. Những trường có tính chọn lọc cao trong tuyển sinh thường đòi hỏi phải nộp đơn trước một năm và sau khi xét duyệt hết toàn bộ hồ sơ thì mới công bố kết quả. Kết quả học tập, điểm thi và các yếu tố khác chiếm tỷ trọng khác nhau trong kết quả xét tuyển.

Hầu hết các trường cao đẳng cộng đồng và một số ít các trường đại học cũng áp dụng chính sách "tuyển sinh mở". Các trường này thường nhận sinh viên ngay sau khi nhận được đơn xin học của họ, và tiếp tục nhận đơn xin học cho đến ngày khai giảng chính thức. Học sinh vừa mới tốt nghiệp phổ thông trung học thường có thể được nhận vào ngay mà không phải qua thi cử hoặc xét duyệt trình độ học vấn trước đó. Chính sách tuyển sinh mở thường không áp dụng cho sinh viên nước ngoài.

Nếu một sinh viên được nhận vào học ở một trường đại học hoặc cao đẳng nào đó thì điều đó không có nghĩa là sinh viên đó đương nhiên được nhận vào một chuyên khoa hay một chương trình chuyên sâu của trường này. Ví dụ, thí sinh dự tuyển vào một chương trình đào tạo điều dưỡng y tế không chỉ phải đạt được các tiêu chuẩn tuyển sinh thông thường của trường mà còn phải tham gia một lớp học dự bị do Liên đoàn Điều dưỡng quốc gia tổ chức và phải đạt được một số điểm nhất định qua kỳ sát hạch của khóa học này. Nếu dự thi vào các trường văn hóa nghệ thuật (như mỹ thuật, âm nhạc và sân khấu), thí sinh còn phải chứng tỏ năng khiếu qua các tác phẩm của mình. Các chương trình về khoa học kỹ thuật thường yêu cầu thí sinh phải có số điểm thi môn toán cao hơn so với yêu cầu chung trường.

Các kỳ thi tuyển sinh đầu vào

Nhiều trường đại học và cao đẳng cũng như các tổ chức cấp học bổng yêu cầu thí sinh phải trải qua

các kỳ thi tuyển sinh đầu vào. Thông qua các kỳ thi này, các trường có thể so sánh và đánh giá triển vọng học tập của sinh viên.

Hầu hết thí sinh muốn vào học năm thứ nhất bậc cử nhân đều phải dự một hoặc nhiều kỳ thi do Hội đồng Tuyển sinh đại học và cao đẳng (College Entrance Examination Board) hoặc Chương trình Khảo thí đại học và cao đẳng Mỹ (American College Testing Program) tài trợ. Dưới đây là thông tin về các kỳ thi này:

Kỳ thi đánh giá trình độ học vấn – The Scholastic Assessment Test (SAT): Đây là kỳ thi do Vụ Đại học và cao đẳng (College Board) tổ chức dưới dạng các bài thi trắc nghiệm, chủ yếu nhằm kiểm tra kiến thức về ngôn ngữ và toán học của thí sinh. Ngoài ra, trong phần thi SAT còn có phần thi kiểm tra trình độ tiếng Anh cơ bản (Test of Standard Written English – TSWE) kéo dài 30 phút. Đối với các khoa, như: hóa, toán, lịch sử và ngoại ngữ, thí sinh còn phải thi SAT II với thời gian kéo dài từ 1 giờ trở lên. (Thông tin chi tiết về College Board có ở địa chỉ: www.collegeboard.com).

Chương trình khảo thí đại học và cao đẳng Mỹ (ACT): Đây là một chương trình tương tự như SAT. ACT bao gồm 4 phần thi: tiếng Anh, toán, đọc hiểu và suy luận khoa học. (Xem thêm thông tin ở địa chỉ: www.act.org).

Hầu hết các khoa sau cử nhân của các trường đều tự xây dựng các tiêu chuẩn tuyển sinh, soạn thảo

các bài thi tuyển sinh cho riêng mình, và các thí sinh thường phải liên hệ trực tiếp với họ để biết cụ thể về loại bài thi, nhất là đối với các thí sinh muốn theo học các chương trình về toán học, lịch sử, kỹ thuật công nghệ, vật lý, hóa học. Một số khoa còn yêu cầu thí sinh phải trải qua một (hay nhiều) kỳ thi GRE, nhưng cũng có một số khoa không yêu cầu điều này.

Kỳ thi GRE: Các kỳ thi này do Trung tâm Khảo thí giáo dục (Educational Testing Service) trực thuộc Vụ Khảo thí dành cho người đã tốt nghiệp (Graduate Record Examinations Board) tổ chức. Các kỳ thi *GRE tổng quát* thường kéo dài đến nửa ngày nhằm kiểm tra khả năng về ngôn ngữ, tính toán và kỹ năng phân tích của thí sinh. Còn các kỳ thi *GRE chuyên môn* nhằm đánh giá kiến thức và sự hiểu biết của thí sinh về một lĩnh vực cụ thể nào đó. Khoa sau cử nhân sẽ đánh giá kết quả thi GRE của các thí sinh. (Để biết thêm chi tiết, bạn có thể truy cập trang web: www.gre.org hay liên lạc với Phòng Khảo thí giáo dục ở địa chỉ: Educational Testing Service, CN 6000, Princeton, New Jersey 08541).

Sinh viên muốn theo học một số chương trình chuyên sâu, như luật hay y khoa phải tham dự các kỳ thi đặc biệt hơn. Sinh viên muốn theo học ngành luật phải trải qua *Kỳ thi tuyển sinh vào trường luật* (Law School Admission Test – LSAT), còn các sinh viên muốn theo học ngành y phải tham dự *Kỳ thi tuyển sinh vào trường y* (Medical College Admission Test – MCAT). Để biết thêm thông tin về các kỳ thi

này, bạn có thể viết thư cho Phòng tuyển sinh trường Luật (Law School Admission Services), PO Box 40, Newtown, Pennsylvania 18940 (www.lsas.org), hay Hiệp hội Các trường đại học y khoa Mỹ (Assocation of American Medical Colleges, MCAT Program), 2450 N Street NW, Washington, DC 20037 (www.aamc.org/stuapps/admiss/mcat/start.htm).

Sinh viên không sử dụng tiếng Anh như là tiếng bản xứ còn phải trải qua các kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh. Hầu hết các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ đều yêu cầu thí sinh phải nộp điểm thi TOEFL (Test of English as a Foreign Language) (xem chi tiết ở www.toefl.org/edtstprog.html). Một số kỳ thi tiếng Anh khác do các trường đại học khác yêu cầu gồm có MELAB (University of Michigan English Language Assessment Battery) và các kỳ thi của Viện Ngôn ngữ Mỹ, thuộc Đại học Georgetown (ALIGU).

Nhiều trường đại học ở Mỹ cũng yêu cầu thí sinh phải tham dự thêm một số các kỳ thi khác để được vào học. Các hướng dẫn dự thi sẽ cho thí sinh biết họ phải tham dự những kỳ thi nào và chuẩn bị cho những kỳ thi này ra sao.

Vấn đề tuyển sinh đối với sinh viên nước ngoài

Các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ có các quy trình tuyển sinh và yêu cầu đặt ra khác nhau đối với sinh viên nước ngoài.

Một sinh viên nước ngoài thường phải bắt đầu việc xin nhập học ít nhất là một năm trước thời hạn đăng ký cuối cùng để có đủ thời gian thu thập các bảng điểm cần thiết và dự các kỳ thi theo yêu cầu. Hạn chót đăng ký học thường là ngày 1-10 hoặc 1-6 hàng năm. Tháng 8 thường là thời điểm nhập học.

Rất ít trường hỗ trợ tài chính cho sinh viên nước ngoài trong năm học đầu tiên ở Mỹ. Các sinh viên nước ngoài cũng ít có cơ hội tìm được nguồn hỗ trợ tài chính từ bên ngoài. Vì vậy, khi sinh viên gửi đơn xin học, đa số các trường thường yêu cầu họ chứng minh khả năng tài chính để trang trải học phí, chi phí ăn ở và một số chi phí khác [11]. Trong năm học thứ 2, sinh viên có nhiều cơ hội tìm học bổng hơn. Ngoài các điều kiện nói trên, sinh viên nước ngoài khi muốn học ở một trường nào đó ở Mỹ cũng nên kiểm tra xem mình có hội đủ các điều kiện về nhập cảnh và tiếng Anh không.

Sinh viên nước ngoài cũng có thể tìm hiểu thêm thông tin về quy trình và điều kiện tuyển sinh của các trường thông qua các tài liệu xuất bản của Hiệp hội Các tổ chức đăng ký học đại học và cao đẳng và Các quan chức tuyển sinh Mỹ (American Association of Collegiate Registrars and Admissions Officers – AACRAO), địa chỉ: One Dupont Circle NW, Washington, DC 20036 (www.aacrao.com/international/

---

11. Marjorie Peace Lenn, *Diversity, Accessibility, and Quality: An Introduction to Education in the United States from Other Countries* (New York: College Entrance Examination Board, 1995), trang 20-22.

index.html). AACRAO cũng cung cấp thông tin về một số tổ chức đánh giá, xếp loại của tư nhân.

Sinh viên học chuyển tiếp

Tỉ lệ sinh viên học chuyển tiếp từ trường này sang trường khác rất cao ở Mỹ. Điều này cũng phản ảnh một thực tế là người Mỹ nói chung rất hay thay đổi và sự nhất quán tương đối giữa các trường trong chương trình học.

Tuyển sinh sau cử nhân

Tuyển sinh sau cử nhân và tuyển sinh vào đại học khác nhau trên rất nhiều phương diện. Các chương trình sau cử nhân thường tự xây dựng và quản lý các chế độ tuyển sinh cho riêng mình. Quy trình tuyển sinh sau cử nhân phức tạp hơn nhiều so với quy trình tuyển sinh đại học. Quy trình này thường đòi hỏi sinh viên phải cung cấp các chứng chỉ, bảng điểm của thời gian học đại học, cao đẳng hoặc qua các kỳ thi đã được chuẩn hóa (như GRE, MCAT, LSAT, và các kỳ thi cho một số chuyên ngành riêng biệt), thư giới thiệu, tiến cử của các khoa của trường đã học trước đây. Khi nộp đơn xin học, sinh viên cũng có thể được yêu cầu nộp đơn xin tài trợ đã được điền đầy đủ thông tin. Xem xét cấp học bổng (như học bổng giảng dạy, nghiên cứu) và miễn giảm học phí là một phần quan trọng trong quy trình tuyển sinh cử nhân, nó đòi hỏi sinh viên phải cung cấp nhiều thông tin và mất khá nhiều thời gian để xét chọn.

Tập thể giảng dạy

Tiêu chuẩn của cán bộ khoa và việc đề bạt cán bộ khoa

Điều kiện đầu tiên để trở thành một cán bộ khoa ở các trường cao đẳng hạng ưu và các trường đại học là ứng viên phải có bằng tiến sĩ (Ph. D). Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp ngoại lệ cho một số nghệ sĩ có khả năng sáng tạo cao hay những cá nhân xuất sắc trong một lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn hoặc trong đời thường. Đối với một số trường khác – nhất là các trường cao đẳng địa phương – thì giảng viên có thể chỉ có bằng thạc sĩ.

Việc bổ nhiệm giảng viên, gia hạn hoặc ngưng hợp đồng, đề bạt thăng chức cho giảng viên được các trường tiến hành dựa trên các kiến nghị của các thành viên đã vào biên chế. Những quyết định này thường được xem xét bởi hội đồng giảng viên ở cấp khoa (như khoa học xã hội, nhân văn, y khoa...) sau đó sẽ được xem xét bởi một hội đồng lớn hơn của trường và sau cùng được đệ trình lên các hiệu phó, hiệu trưởng có liên quan. Việc phê duyệt cuối cùng đối với những quyết định như vậy khác nhau tuỳ theo hình thức, truyền thống, và quy mô của mỗi trường. Nhiều trường đòi hỏi phải có sự đồng ý của trưởng khoa. Một số trường khác quy định những quyết định như vậy phải được đệ trình lên hội đồng quản trị thông qua hiệu trưởng. Việc thăng chức được dựa trên các tiêu chuẩn và trình độ, phẩm chất, kinh nghiệm, thành tích giảng dạy, quá trình phục

vụ cho sự nghiệp giáo dục, nghiên cứu khoa học và những công trình nghiên cứu đã được xuất bản của ứng viên.

Giảng viên được đánh giá theo khả năng làm việc, uy tín, và thâm niên phục vụ cho các trường. Nói chung, để điều chỉnh lương bổng, người ta dựa trên kết quả của việc đánh giá hàng năm. Người ta tiến hành đánh giá 3-5 năm một lần. Việc đánh giá hàng năm thường dựa trên thành tích giảng dạy, phục vụ, và nghiên cứu; các tiêu chuẩn hay thang điểm đưa ra tuỳ vào nhiệm vụ chiến lược của mỗi trường.

Những chức danh phổ biến nhất của giảng viên là cán bộ trợ giáo (instructor), cán bộ trợ giảng (assistant professor), phó giáo sư (associate professor), giáo sư (professor), và giáo sư danh dự (professor emerius). Giảng viên bán thời gian (adjunct professor) và giáo sư danh dự không được xem là những người có "thứ bậc" trong khoa, vì họ không phải đáp ứng những yêu cầu đặt ra đối với việc thăng chức.

Cán bộ trợ giáo (Instructor)

Đây là chức vụ khởi điểm thường được giao phó cho những cán bộ vào biên chế nhưng không có bằng tiến sĩ, hoặc theo hợp đồng có kỳ hạn. Thời gian làm việc với tư cách là một trợ giáo thường được xem như thời gian thử thách để khoa xem xét việc cho vào biên chế. Ở hầu hết các trường, thời gian thử thách tối đa là 6 năm. Các trợ giáo thường được ký hợp đồng có thời hạn 1 năm. Hết thời hạn này, hợp đồng có thể được gia hạn thêm. Thông thường, trợ giáo sẽ được đề bạt lên làm cán bộ trợ giảng (assistant professor) sau

khi đã có được bằng tiến sĩ. Ở nhiều trường đại học và cao đẳng, trợ giáo không được gia hạn hợp đồng nếu sau thời gian thử thách mà người đó không được đề bạt lên các chức vụ cao hơn.

Cán bộ trợ giảng (Assistant Professor)

Một người có bằng tiến sĩ nhưng chưa qua kinh nghiệm giảng dạy thực tế ở các trường đại học và cao đẳng thì có thể được bổ nhiệm vào chức vụ cán bộ trợ giảng. Theo hướng dẫn của Hiệp hội Giáo sư đại học Mỹ – một tổ chức của quốc gia Mỹ giải quyết các vấn đề liên quan đến giáo dục và có những đề xuất được nhiều trường tuân theo – một cán bộ trợ giảng có thể được ký hợp đồng có thời hạn 3 năm đối với thời gian thử thách. Hợp đồng này có thể được gia hạn mỗi năm và được gia hạn tối đa đến 6 năm.

Phó giáo sư (Associate Professor)

Sau một thời gian làm việc ở cương vị là một cán bộ trợ giảng (thường từ 5 - 7 năm), các thành viên của khoa nếu hội đủ các tiêu chuẩn cần thiết khác (như có được bằng tiến sĩ, có thành tích giảng dạy hàng năm tốt, có nhiều đóng góp cho khoa...) sẽ được đề bạt lên chức vụ phó giáo sư. Vào thời điểm này, thành viên đó cũng được xem xét trở thành cán bộ biên chế của khoa. Ở hầu hết các trường đại học 4 năm hoặc đại học nghiên cứu, một người chỉ được làm cán bộ trợ giảng trong vòng 6-8 năm. Nếu không được trở thành thành viên chính thức của khoa, người đó phải tìm việc nơi khác.

Sau khi làm việc thêm 5-6 năm nữa, các phó giáo sư sẽ được xem xét đề bạt lên chức giáo sư. Các phó giáo sư

không bị giới hạn về thời gian làm việc (một người có thể làm việc ở cương vị phó giáo sư cho đến khi về hưu). Nếu phó giáo sư không được đề bạt lên giáo sư thì cũng không có nghĩa là hợp đồng chấm dứt (với điều kiện là người đó đã vào biên chế). Trong những năm gần đây, một số trường còn có quy định danh sách các thành viên biên chế của khoa phải được xem xét lại theo chu kỳ 5-10 năm bên cạnh việc xem xét điều chỉnh lương bổng. Qua quá trình xét duyệt này, một số thành viên chính thức của khoa có thể phải thôi công tác nếu không đạt yêu cầu.

Giáo sư (Professor)

Giáo sư là cấp bậc chuyên môn cao nhất trong các trường đại học và cao đẳng. Để được công nhận là giáo sư, một cá nhân không những phải có một thâm niên giảng dạy nhất định mà còn phải có những đóng góp trong giảng dạy, phục vụ và thành tích trong nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của trường và của khoa.

Giáo sư danh dự (Professor Emerius)

Giáo sư danh dự là một danh hiệu được cấp cho những cá nhân có những đóng góp lâu dài và nổi bật cho sự nghiệp phát triển của trường. Chức danh này thường được xét tặng cho một thành viên của khoa khi người đó kết thúc nhiệm kỳ công tác hoặc về hưu.

Giảng viên (Lecturer)

Giảng viên thường là chức danh dành cho các thành viên làm việc ngắn hạn hoặc bán thời gian và

chỉ phụ trách giảng dạy một bộ môn nào đó. Chức danh "giáo sư thỉnh giảng" (visiting professor) cũng tương tự như chức danh giảng viên và thường được đặt cho những học giả có kinh nghiệm ở một lĩnh vực nào đó khi người này tham gia một khoa của một trường đại học hay cao đẳng trong một thời hạn nhất định.

Giảng viên bán thời gian (Adjunct Professor)

Chức danh này thường dành cho những thành viên làm việc bán thời gian của khoa. Đôi khi chức danh này cũng được đặt cho các giáo sư thỉnh giảng, nhất là giáo sư thỉnh giảng từ một trường đại học nước ngoài. Những giáo sư này chỉ làm việc trong một thời hạn nhất định, thường là một học kỳ hoặc một năm.

Biên chế

Việc bổ nhiệm vào biên chế là nhằm bảo đảm quyền tự do học thuật và tạo điều kiện đảm bảo kinh tế cho những cá nhân có năng lực và nguyện vọng theo đuổi lĩnh vực giáo dục lâu dài. Qua quá trình này các giáo viên sẽ được công nhận là cán bộ chính thức sau khi họ trải qua các giai đoạn thử thách. Có ít nhất 60% giáo viên của các trường đại học và cao đẳng là thành viên chính thức. Họ chỉ bị sa thải khi trường tiến hành lại cơ cấu tổ chức và chương trình học, hoặc gặp những khó khăn về tài chính.

Một số nhà lãnh đạo trong lĩnh vực giáo dục, các tổ chức đánh giá xếp hạng và cả người dân Mỹ lo rằng, nếu tỉ lệ cán bộ giảng dạy biên chế của các trường quá lớn thì đội ngũ giáo viên và học giả trẻ với sức sáng tạo lớn sẽ không có cơ hội phát triển trong lĩnh vực giáo dục. Tình trạng này đặc biệt trở nên nghiêm trọng sau khi Mỹ ban hành luật cấm các trường buộc các thành viên của khoa nghỉ hưu vào năm 1994. Sinh viên sau cử nhân cũng không muốn phát triển sự nghiệp của mình trong lĩnh vực giáo dục đại học nếu họ thấy ít có cơ hội tuyển dụng.

Một số trường đặt ra các hạn chế về số lượng hay tỉ lệ cán bộ khoa chính thức và chỉ bổ nhiệm thêm khi có chỗ trống. Một số trường áp dụng cơ chế thay thế cho hệ thống biên chế. Một số áp dụng chính sách tuyển dụng song song, theo đó một thành viên của khoa có thể được bổ nhiệm thành cán bộ biên chế hoặc không biên chế. Một số trường thì chọn cách ký hợp đồng có thời hạn nhiều năm thay vì bổ nhiệm cán bộ chính thức hoặc cho phép các thành viên của khoa được chọn một trong hai cách này. Cũng có trường cho các thành viên khoa được chọn giữa việc trở thành cán bộ biên chế hoặc một cơ hội hấp dẫn hơn, như giảng dạy ở nước ngoài sau chỉ 4 năm công tác.

Đánh giá cán bộ giảng dạy

Thông thường, hàng năm các cán bộ giảng dạy được các sinh viên, đồng nghiệp và ban quản trị

trường bình chọn, đánh giá. Việc cho điểm tuỳ theo mức độ ưu tiên đối với mỗi tiêu chuẩn đặt ra của trường trong số các yếu tố: chất lượng giảng dạy, nghiên cứu, tinh thần phục vụ cho trường, những đóng góp cho cộng đồng và địa phương. Quá trình đánh giá cũng khác nhau giữa các trường. Việc đánh giá chất lượng giảng dạy thường được dựa trên một bảng câu hỏi đặt ra cho sinh viên đang theo học ở các khoa. Một số trường cũng áp dụng hình thức các đồng nghiệp đánh giá chéo cho nhau. Đánh giá chéo giữa các đồng nghiệp dựa trên việc xem xét các hoạt động chuyên môn của một cá nhân nào đó trong năm vừa qua, đánh giá những tác động lâu dài của các hoạt động này, thông qua các buổi dự giờ, và những kỳ vọng đặt ra đối với những đóng góp của cá nhân đó trong tương lai.

Việc đánh giá cán bộ khoa có một ảnh hưởng rất quan trọng, vì nó quyết định đến việc cán bộ khoa đó có được tăng lương, gia hạn hợp đồng, vào biên chế, được tặng các danh hiệu hay giải thưởng của trường, được đề bạt vào một số chức vụ trong các hội đồng trường trực hay không. Ở nhiều trường đại học lớn, kết quả đánh giá của sinh viên đối với các khóa học của khoa còn được công bố rộng rãi trong trường hoặc được đăng tải trên các tờ báo của trường.

Các vấn đề liên quan đến sinh viên

So với trước thập niên 1950, nền giáo dục đại học và cao đẳng ở Mỹ hiện nay mở cửa rộng hơn. Có

khoảng 70% dân số Mỹ có thể theo học ở các trường đại học và cao đẳng.[12]

Sau Chiến tranh thế giới thứ II, Quốc hội Mỹ đã thông qua Đạo luật GI. Đạo luật này đã dành nhiều ưu tiên, thuận lợi cho các cựu chiến binh được theo học các trường đại học và cao đẳng, nới lỏng một số quy định nhằm giúp sinh viên muốn theo học đại học và cao đẳng có thể tìm được nhiều nguồn tài trợ hơn. Sinh viên có thể xin học bổng hoặc xin vay tiền từ chính quyền các bang, các trường đại học và cao đẳng mà họ theo học, và một số tổ chức độc lập khác để theo đuổi việc học. Phần lớn sinh viên Mỹ khi theo học ở các trường đại học và cao đẳng đều xin và nhận được một nguồn tài trợ nào đó dưới dạng các khoản vay, trợ cấp hoặc cơ hội làm thêm. Hơn 47 tỉ đô-la Mỹ từ nguồn ngân quỹ liên bang đã được phân bổ để tài trợ cho sinh viên đại học và cao đẳng [13]. Ngoài ra, bản thân các trường, các tổ chức xã hội, các chính quyền tiểu bang và một số tổ chức, cá nhân khác cũng đóng góp vào việc hỗ trợ tài chính cho sinh viên.

Do kết quả của việc mở rộng, thành phần sinh viên theo học ở các trường đại học và cao đẳng cũng có nhiều thay đổi trong những năm qua. Sinh viên hiện nay có thể xuất thân từ những gia đình khá giả, cũng có thể từ những gia đình gặp khó khăn về kinh

---

12. The Condition of Education:2000, Bảng 38.

13. The College Board, *Trends in Student Aid,* tháng 10-2000.

tế. Sinh viên nữ hiện nay cũng chiếm số đông hơn sinh viên nam (chiếm tỉ lệ 56%); và số sinh viên người Mỹ thiểu số cũng ngày càng tăng lên (chiếm tỉ lệ 27% tổng số sinh viên các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ), mặc dù chưa tương xứng với tỉ lệ người Mỹ thiểu số trong tổng dân số Mỹ. Số sinh viên nước ngoài theo học ở các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ liên tục tăng lên trong những năm qua (tính đến năm 2000 là hơn 500.000 người).

Năm 1977, số sinh viên truyền thống ở bậc cử nhân (ở độ tuổi từ 18 đến 22) chiếm 42% tổng số học sinh ghi danh theo học các chương trình sau trung học. Hiện nay tỉ lệ này giảm xuống chỉ còn 25% vì nhiều lý do. Một số học sinh không học tiếp tục lên đại học hay cao đẳng mà đợi đến vài năm sau. Trong thời gian này, họ thường đi làm. Một số sinh viên khác nghỉ học để đi làm, nhưng có thể học trở lại để đạt được các yêu cầu về bằng cấp, do công việc đặt ra khi họ lớn tuổi hơn. Nhiều sinh viên chỉ đi học bán thời gian, do đó kéo dài thời gian khóa học. Nhưng có lẽ đáng chú ý nhất là số người lớn tuổi quay trở lại trường đại học và cao đẳng ngày càng tăng. Số sinh viên lớn tuổi hiện nay chiếm 41% số sinh viên ở các trường đại học và cao đẳng. Độ tuổi trung bình của sinh viên đại học và cao đẳng ở Mỹ hiện nay là trên 30%. Sinh viên đại học và cao đẳng có thể thuộc nhiều thành phần kinh tế, văn hóa và lứa tuổi khác nhau, Mặc dù cũng có một số sinh viên thuộc dân tộc thiểu số hoặc có hoàn cảnh kinh tế khó khăn tương đối còn ít.

Sinh viên nước ngoài học tại các trường đại học và cao đẳng Mỹ

Trong năm học 1999-2000, có 514.723 sinh viên nước ngoài được nhận vào học ở các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ. Các sinh viên này đến từ 196 nước và lãnh thổ khác nhau trên thế giới. Phần đông sinh viên nước ngoài ở Mỹ đến từ Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Đài Loan và Canada.

Khoảng 67,1% sinh viên nước ngoài đến Mỹ học bằng nguồn tài chính của cá nhân và gia đình. 75% sinh viên nước ngoài nhận được các nguồn tài tài trợ bên ngoài Mỹ, trong đó trợ cấp của các chính phủ tại quê hương của sinh viên chiếm 4,5%. Các trường đại học và cao đẳng Mỹ là nơi cung cấp một nguồn hỗ trợ tài chính quan trọng cho sinh viên nước ngoài (chiếm 18,9%), còn chính phủ Mỹ chỉ tài trợ 0,6%.[14]

Vấn đề giảng dạy (Instruction)

Năm học

Một năm học của các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ có thể kéo dài từ 32-36 tuần. Một năm học thường bắt đầu vào tháng 8 hoặc tháng 9 hàng năm và kết thúc vào đầu hoặc cuối tháng 5. Hầu hết các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ đều chia năm học thành 2 học kỳ. Một số trường khác chia năm học

---

14. Todd Davids, *Open Doors, 1999/2000* (New York: Viện Giáo dục quốc tế, 2000).

thành 4 kỳ, mỗi kỳ kéo dài 12 tuần gọi là quý (giữa mỗi quý có 1 tuần nghỉ); 3 quý rơi vào giữa tháng 9 và tháng 5 được xem là một năm học bình thường, và quý thứ 4 được gọi là khóa học hè. Cũng có một số ít trường chia năm học thành 3 kỳ bằng nhau. Hầu hết các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ đều có một kỳ nghỉ 2-3 tuần, bắt đầu vào giữa tháng 12 và kéo dài đến tháng 1. Vào dịp lễ Tạ ơn (Thanksgiving – tháng 11 hàng năm), các trường cũng được nghỉ 2-3 ngày, và vào mùa xuân (tháng 3-4 hàng năm) được nghỉ khoảng 1 tuần.

Các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ có năm học chia theo các học kỳ thường có cách tổ chức kỳ học hè khác nhau. Mặc dù có thời lượng bằng với các khóa học vào mùa xuân hay mùa thu, nhưng các kỳ học hè thường tập trung hơn. Thời gian của các kỳ học hè thường kéo dài từ 3-8 tuần, tuỳ theo mỗi trường.

Chế độ tín chỉ

Sự tiến bộ của một sinh viên trong việc đáp ứng những yêu cầu đặt ra trong chương trình học được đánh giá bằng các tín chỉ. Các tín chỉ này thường được tính bằng số giờ của một tín chỉ, số giờ của một học kỳ, hay số giờ cùa một quý. Trong một học kỳ hay một quý, nếu mỗi tuần học một tiết (một tiết học thường kéo dài 50 phút) thì tương đương với một đơn vị hay một tín chỉ. Do đó, một môn học 3 tiết một tuần kéo dài trong 1 học kỳ hay một quý thì được tính là 3 tín chỉ. 2-3 tiết thực hành ở phòng thí nghiệm cũng được tính tương đương với một tiết học trong lớp. Đối với các sinh viên bậc cử nhân, khi

theo học một chương trình bình thường thì phải đạt được 15-17 tín chỉ trong 1 học kỳ hay 1 quý. Đối với các sinh viên bậc sau cử nhân, con số này là từ 9-12 tín chỉ.

Các loại khóa học và phương pháp giảng dạy

Các khóa học thường kéo dài 1 quý hoặc 1 học kỳ. Một khóa học là một "sản phẩm" của một khoa hay chuyên ngành của một trường đại học. Nói chung, các khóa học mới phải được một tổ chức cấp trên khoa - thường là một hội đồng chuyên môn - thông qua. Nội dung và trình độ của khóa học phải đi theo hướng dẫn của khoa, còn giáo viên thường được tự quyền quyết định phương pháp giảng dạy của khóa học. Họ được quyền chọn sách giáo khoa và quyết định về nội dung đề cương bài giảng. Đối với các trường có tổ chức các khóa học đại cương nhằm trang bị cho một số đông sinh viên những kiến thức cơ bản, các thành viên tham gia giảng dạy sẽ họp lại để quyết định xem cần phải sử dụng tài liệu gì, đề cương bài giảng nào và loại sách mà sinh viên cần phải đọc tham khảo.

Phương pháp giảng bài ở lớp – một phương pháp giảng dạy mà theo đó giáo sư nói về nội dung của một tài liệu nào đó còn sinh viên chỉ ngồi nghe một cách thụ động – ngày càng ít được sử dụng trong các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ. Thay vào đó, hình thức giảng dạy phổ biến hiện nay là kết hợp giữa giảng

bài và thảo luận. Phương pháp này thường được hỗ trợ bằng các thiết bị nghe nhìn hiện đại và các bài thuyết trình có minh họa (presentation). Phương pháp này cũng cho phép sinh viên có nhiều cơ hội đặt ra các câu hỏi đối với giáo sư. Khoa thường giao các chủ đề mà sinh viên cần phải thảo luận và do đó thời gian giảng bài của giáo sư sẽ bớt đi. Ở các trường đại học lớn, nơi có tỉ lệ sinh viên học đại cương rất lớn, sinh viên thường chỉ gặp giảng viên một phần nhỏ thời gian của khóa học. Phần thời gian còn lại, họ chia thành từng nhóm nhỏ để thảo luận. Đứng đầu các nhóm thảo luận thường là một sinh viên sau cử nhân và tham gia trợ giảng.

Phương pháp hội thảo (seminar) là một phương pháp học tập mà theo đó các tài liệu được nghiên cứu sâu hơn. Phương pháp này thường được sử dụng đối với các sinh viên bậc sau cử nhân. Phương pháp này cũng thường được sử dụng ở các năm cuối bậc cử nhân. Tuy nhiên, một số ít trường đại học và cao đẳng hiện nay cũng đang thử nghiệm đưa phương pháp này vào áp dụng cho các sinh viên năm đầu (dưới dạng chuyên đề). Một "chuyên đề" thường giới hạn trong số 15-20 sinh viên. Sinh viên thường được yêu cầu viết hoặc thực hiện một đề tài nghiên cứu, và một phần thời gian của cuộc thảo luận thường được dùng để phân tích các lý thuyết và các quan điểm, ý kiến của sinh viên và các học giả.

Sự phát triển của công nghệ cũng đang làm thay đổi mối quan hệ giữa giáo sư và sinh viên. Nhiều chương trình cho phép sinh viên tự điều chỉnh cường độ của

việc học bằng cách làm việc độc lập. Tùy theo chương trình và công nghệ được sử dụng, các giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên từ xa hoặc trực tiếp khi sinh viên có yêu cầu. Chương trình của các khóa học và các nhiệm vụ, bài tập dành cho sinh viên cũng thường được thông báo trên các trang web. Nhiều giáo sư của các trường còn tăng cường việc liên hệ với sinh viên bằng cách sử dụng thư điện tử thường xuyên. Khi được sử dụng hợp lý, công nghệ cho phép các giảng viên trở thành một người hướng dẫn đắc lực cho sinh viên, giúp sinh viên có thể tìm được các nguồn thông tin dễ dàng và họ có thể dành phần lớn thời gian để tư duy sáng tạo.

Một số khóa học còn có các chương trình đào tạo thực tế. Theo đó, sinh viên sẽ được gửi đến các cơ quan, tổ chức bên ngoài các trường đại học và cao đẳng để thực tập một thời gian dưới sự hướng dẫn và giám sát của trường. Các chương trình thực tập này đặc biệt hữu dụng đối với các sinh viên trường y, các sinh viên theo học các ngành giáo dục hoặc công tác xã hội, hoặc các sinh viên các trường kinh doanh cần những kinh nghiệm thực tế trước khi đi làm chính thức. Chương trình thực tập còn là một phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của nhiều trường đại học và cao đẳng ở Mỹ.

Đánh giá học lực sinh viên

Các khoa của hầu hết các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ đều đánh giá học lực của sinh viên bằng cách cho điểm từ A đến F, trong đó A được xem là

xuất sắc, còn F được xem là không đạt yêu cầu. Các sinh viên bậc cử nhân thường phải đạt điểm trung bình từ C trở lên để có được một bảng thành tích tốt. Các sinh viên sau cử nhân thì phải đạt điểm trung bình từ B trở lên.

Một số trường còn áp dụng cơ chế "đạt-không đạt" (pass-fail) khi cho điểm, đánh giá sinh viên. Nếu sinh viên hoàn tất một khóa học đạt các yêu cầu đưa ra thì được đánh giá là "đạt" (pass), ngược lại được đánh giá là "không đạt" (fail). Một số trường dùng cơ chế "pass-fail" cho các môn tự chọn. Một số ít trường khác thì đánh giá trình độ của sinh viên bằng những lời nhận xét chi tiết, chứ không phải bằng cách cho điểm.

Hệ thống giáo dục ở Mỹ không có các kỳ sát hạch quốc gia. Việc đánh giá trình độ, học lực của sinh viên thường được tiến hành liên tục dựa trên kết quả của một số khóa học cụ thể. Thành tích học tập được đánh giá bằng điểm số. Theo thang điểm 4, với mỗi tín chỉ đạt trình độ A, sinh viên sẽ được 4 điểm. Tương tự, B tương đương với 3, C tương đương với 2 và D tương đương với 1. Điểm trình độ trung bình của một sinh viên (Grade Point Average – GPA), hay đôi khi được gọi là điểm chất lượng trung bình (Quality Point Average – QPA), là điểm trung bình của tất cả các khóa học. Ở một số ít bang, sinh viên còn phải trải qua các kỳ thi của toàn bang khi chuyển từ năm học thứ 2 lên năm học thứ 3. Một số trường yêu cầu sinh viên phải làm một bài thi toàn diện (comprehensive exami-

nation) thuộc về chuyên ngành của mình sau khi kết thúc khóa học chuyên ngành. Mỗi sinh viên đều có một bảng điểm ghi lại kết quả của mỗi khóa học. Không phải ai cũng được xem bảng điểm này, vì luật liên bang bảo vệ quyền được giữ bí mật cá nhân của sinh viên trong vấn đề này.

Văn bằng và học vị

Văn bằng (diploma) là một giấy chứng nhận bằng văn bản chính thức xác nhận một sinh viên đã hoàn tất các yêu cầu của một khóa học ở một cấp bậc nào đó. Còn học vị (degree) dùng để xác nhận việc đã hoàn tất các chương trình học ở cấp bậc đại học và cao đẳng. Các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ cấp văn bằng ở một buổi lễ chính thức, gọi là "lễ tốt nghiệp" (graduation) hay "lễ phát bằng" (commencement). Tại các buổi lễ này, văn bằng được cấp công khai trước công chúng. Ở trình độ đại học và cao đẳng có 4 loại học vị: cao đẳng (associate), đại học (baccalaureat hoặc bachelor), thạc sĩ (master) và tiến sĩ (docterate).

Để có được bằng cử nhân, sinh viên phải lấy được 120 đến 128 tín chỉ. Để có được bằng thạc sĩ, sinh viên sau khi tốt nghiệp cử nhân phải học tiếp 1 hoặc 2 năm nữa. Đối với bằng tiến sĩ, ngoài việc học tiếp 1 hoặc 2 năm sau đại học, người muốn lấy bằng tiến sĩ còn phải có những công trình nghiên cứu có ý nghĩa của riêng mình. Công trình nghiên cứu này có thể phải mất từ 1-6 năm mới hoàn tất.

Bậc cao đẳng (Associate Degree)

Các đại học 2 năm (cao đẳng hay cộng đồng) và một số trường đại học 4 năm thường cấp bằng cao đẳng cho các ngành khoa học tự nhiên (Associate of Science – A.S.) hoặc xã hội (Associate of Arts – A.A.). Bằng cao đẳng được cấp sau khi sinh viên học xong 60 tín chỉ. Một số trường đại học cũng có tổ chức các khóa học cấp bằng cao đẳng. Những người có bằng cao đẳng cũng thường được học chuyển tiếp lên đại học để lấy bằng cử nhân đại học mà không phải qua 2 năm học đại cương. Nhiều trường cao đẳng cộng đồng còn tổ chức các chương trình học lấy chứng chỉ (certificate) trong các lĩnh vực kỹ thuật và dạy nghề. Các khóa học này thường kéo dài chưa đến 2 năm.

Bậc cử nhân (Bachelor's Degree)

Theo truyền thống, để có được bằng cử nhân, sinh viên thường phải trải qua 4 năm học toàn thời gian trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên (B.S.) hoặc khoa học xã hội (B.A.). Tuy nhiên, cũng có một số trường đại học và cao đẳng cấp bằng cử nhân dựa trên việc sinh viên có kiến thức tập trung, chuyên sâu vào một lĩnh vực nào đó. Điều này thường xảy ra trong các lĩnh vực giáo dục, y tế hoặc công tác xã hội. Cử nhân nghệ thuật là bằng cấp dành cho những người đã theo học tập trung ở các lĩnh vực biểu diễn (sân khấu, điện ảnh, múa, kịch nói...)

Bậc thạc sĩ (Master's Degree)

Ngoài các loại bằng thạc sĩ truyền thống như thạc sĩ khoa học (Master of Science) hoặc văn chương (Mas-

ter of Arts), các trường đại học ở Mỹ hiện nay còn cấp bằng thạc sĩ giáo dục (M.Ed.), điều dưỡng (M.S.N), quản trị kinh doanh (MBA), nghệ thuật (MFA), công tác xã hội (M.S.W). Mỗi loại bằng cấp này đều đòi hỏi người học phải trải qua quá trình học toàn thời gian kéo dài 1-2 năm sau khi tốt nghiệp đại học. Một số trường còn yêu cầu sinh viên phải làm luận văn tốt nghiệp ra trường.

Bậc tiến sĩ (Doctoral Degree)

Bậc tiến sĩ là bậc học cao nhất trong hệ thống giáo dục ở cấp bậc đại học và cao đẳng của Mỹ. Trong hệ thống này có học vị tiến sĩ (Doctor of Phylosophy – Ph.D) cấp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học phải học tiếp ít nhất 2 năm, trải qua các kỳ thi viết và vấn đáp để kiểm tra kiến thức toàn diện, và sau đó phải có một công trình nghiên cứu lớn dưới dạng luận văn. Một số loại bằng tiến sĩ khác gồm có Tiến sĩ Y khoa (Doctor of Medicine – MD), Tiến sĩ Giáo dục (Doctor of Education – Ed.D), và Tiến sĩ Luật (Doctor of Jurisprudence – JD). Tất cả các bằng cấp này đều đòi hỏi nghiên cứu sinh phải có các công trình nghiên cứu lớn sau khi tốt nghiệp thạc sĩ, trải qua các kỳ thi kiểm tra kiến thức toàn diện và báo cáo tốt nghiệp dưới dạng luận văn (ngoại trừ Tiến sĩ Luật và Tiến sĩ Y khoa).

Phần III

Tài trợ cho giáo dục đại học và cao đẳng

Thu nhập và chi phí của các trường

Trong năm học 1998-1999, Chính phủ Mỹ chi ra 197 đô-la Mỹ - tương đương với 3% tổng thu nhập trong nước (GDP) - cho giáo dục đại học và cao đẳng của nước này. Tỉ lệ này phần nào phản ánh được sự quan tâm của Chính phủ Mỹ đối với hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng. Từ năm học 1975-1976, chi phí cho giáo dục đại học và cao đẳng tăng hơn 70% (đã có điều chỉnh lạm phát). Để cung cấp cho bạn một cái nhìn tổng quan về chi phí, *Bảng 1* liệt kê tất cả các loại chi phí điển hình của một trường đại học hoặc cao đẳng tư nhân và nhà nước tính theo mức trung bình. (Việc phân bổ chi phí được tính theo tỉ lệ % để tiện so sánh).

Bảng 1- Phân bổ chi phí của các trường đại học và cao đẳng (năm học 1995-1996)

Chỉ tiêu	Các trường công (%)	Các trường tư (%)
Giảng dạy	32,3	27,0
Nghiên cứu	10,1	7,7
Phục vụ công	4,5	2,4
Hỗ trợ việc học (gồm cả thư viện)	7,5	6,1
Dịch vụ cho sinh viên	4,9	5,4
Hỗ trợ của trường	9,0	10,6
Hoạt động và bảo trì cơ sở vật chất	6,7	6,1
Học bổng và khen thưởng	4,3	11,4
Chi cho y tế, các doanh nghiệp hỗ trợ và một số hoạt động độc lập	19,4	17,4
Chi cho các trung tâm nghiên cứu và phát triển do liên bang tài trợ	0,2	4,6

Nguồn: Bộ Giáo dục Mỹ, *Digest of Education Statistics, 2000,* Bảng 343,344.

Chính quyền địa phương và chính quyền tiểu bang thường trực tiếp hỗ trợ tài chính cho hoạt động của các trường công. Chính quyền liên bang thường hỗ trợ tài chính dưới hình thức các khoản trợ cấp hoặc các khoản vay cho sinh viên. Chính quyền liên bang cũng hỗ trợ tài chính bằng cách đưa ra các giải thưởng, các khoản trợ cấp mang tính thi đua, cạnh tranh. Trong *Bảng 2*, "thu từ dịch vụ", có nghĩa là thu nhập mà các trường có được từ các hoạt động tạo ra nguồn thu trực tiếp cho trường và các hoạt động khác như xuất bản, cung cấp dịch vụ y tế, kinh doanh hiệu sách, thu từ tiền ăn ở của sinh viên...

Bảng 2 – Thu nhập của các trường đại học và cao đẳng (năm học 1995-1996)

Chỉ tiêu	Các trường công (%)	Các trường tư (%)
Học phí thu của sinh viên	18,8	43,0
Hỗ trợ của chính quyền liên bang	11,1	13,8
Hỗ trợ của chính quyền tiểu bang	35,8	1,9
Hỗ trợ của chính quyền địa phương	4,1	0,7
Quà tặng cá nhân, trợ cấp và các hợp đồng	4,1	9,1

Quỹ đóng góp	0,6	5,2
Thu từ dịch vụ	22,2	21,0
Các nguồn khác	3,3	5,3

Nguồn: Bộ Giáo dục Mỹ, *Digest of Education Statistics, 2000,* Bảng 332,333.

Chi phí cho việc học đại học và cao đẳng đối với sinh viên và gia đình của họ

Trong năm học 2000-2001, mức học phí trung bình hàng năm mà một sinh viên bậc cử nhân phải đóng như sau:

Trường cao đẳng cộng đồng (2 năm) 1.705 USD

Trường đại học công (4 năm, cấp bằng cử nhân) 3.510 USD

Các trường đại học và cao đẳng tư (4 năm, cấp bằng cử nhân) 16.332USD

Ngoài học phí, hàng năm - sinh viên còn phải chi trung bình 675 đô-la Mỹ để mua sách giáo khoa và các phương tiện học tập cần thiết khác. Những người sống nội trú còn phải đóng khoảng 6.209 đô-la Mỹ tiền ăn ở đối với các trường tư và 4.960 đô-la Mỹ đối với các trường công. Khoảng 70% sinh viên bậc cử nhân theo học các trường 4 năm phải đóng học phí hàng năm dưới mức 8.000 đô-la Mỹ và hơn một nửa phải đóng dưới mức 4.000 đô-la Mỹ[15].

15. Hội đồng Giáo dục Mỹ, *College Is Possible, 2001*, trang 2.

Chỉ có 6% số sinh viên theo học các trường đại học và cao đẳng phải đóng học phí trên mức 20.000 đô-la Mỹ/năm.

Các sinh viên hội đủ điều kiện có nhiều lựa chọn giữa các trường công và trường tư vốn có mức học phí rất khác nhau. Trong 10 năm qua, chi phí theo học ở các trường đại học và cao đẳng không ngừng tăng lên, nhưng các sinh viên cũng ngày càng có nhiều cơ hội xin học bổng và các nguồn tài trợ hơn. Số tiền tài trợ cho sinh viên ở Mỹ hiện nay đã lên đến 68 tỉ đô-la Mỹ, trong đó số tiền cho vay với lãi suất thấp chiếm 60%, phần còn lại chủ yếu ở dưới dạng các khoản trợ cấp. Khoảng 70% sinh viên học toàn thời gian nhận được một hình thức trợ cấp nào đó và nó thường chiếm 40% chi phí học hành của họ. Ở các trường cao đẳng tư nhân hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, sinh viên nhận được khoảng 9.460 đô-la Mỹ tiền trợ cấp hàng năm. Khoảng 75% số sinh viên chưa tốt nghiệp đại học chỉ phải trả dưới 10.000 đô-la Mỹ/năm cho tất cả các khoản tiền, như: học phí, ăn, ở, sách vở và các chi phí sinh hoạt khác. 1/3 số sinh viên chỉ phải trả dưới 5.000 đô-la Mỹ/năm [16].

Các yếu tố của chi phí đối với sinh viên

Những loại chi phí chủ yếu mà các sinh viên của các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ phải trả, gồm có: học phí, chi phí ăn và ở (đối với các sinh viên nội

16. *Digest of Education Statistics, 2000*, Bảng 321.

trú). Học phí được thu từ sinh viên nhằm mục đích bù đắp một phần chi phí giảng dạy. Tùy theo mỗi trường, học phí áp dụng cho các sinh viên bậc cử nhân trong một năm học có thể dao động từ 1.000 đô-la Mỹ đến 20.000 đô-la Mỹ. Theo thông lệ, học phí ở các trường đại học và cao đẳng tư cao hơn học phí ở các trường đại học và cao đẳng công. Học phí của các trường công áp dụng cho những sinh viên ở cùng địa phương nơi trường đóng trụ sở thường thấp hơn học phí áp dụng cho các sinh viên đến từ các địa phương khác. Một sinh viên từ tiểu bang khác đến thường phải đóng học phí cao hơn một sinh viên của tiểu bang sở tại từ 2.000-3.000 đô-la Mỹ mỗi năm. Lý do là những sinh viên đến từ các tiểu bang khác chưa đóng thuế cho bang ấy. Học phí ở các trường chuyên ngành và các trường đào tạo sau cử nhân cũng cao hơn học phí ở bậc cử nhân.

Nhiều trường đại học và cao đẳng còn thu thêm một loại phí hàng năm từ sinh viên. Loại phí này có thể gồm bảo hiểm y tế, phí tổ chức các hoạt động văn hóa, các hoạt động thể dục thể thao, làm các ấn bản của sinh viên, và phí đậu xe trong trường. Một số trường có thể gom chung những loại phí phục vụ này vào trong học phí, một số trường khác thì tách riêng. Bên cạnh các loại phí bình thường, sinh viên còn có thể phải trả thêm các loại phí đặc biệt như phí sử dụng các vật liệu dùng cho phòng thí nghiệm hoặc phí thuê các loại nhạc cụ. Các loại phí này có thể dao động từ 100-1.000 đô-la Mỹ mỗi năm.

Hầu hết các trường đều tổ chức nhiều chế độ ăn uống khác nhau dành cho các sinh viên muốn ăn uống tại trường. Nhiều sinh viên xa nhà phải trả tiền ăn, ở cho các ký túc xá của trường. Một số sinh viên cũng có thể thuê các căn hộ bên ngoài trường hoặc tự thu xếp chỗ ăn ở bằng các cách khác.

Tài trợ cho sinh viên nước ngoài

Chi phí giáo dục ở các trường đại học và cao đẳng của Mỹ đều như nhau đối với sinh viên nước ngoài và sinh viên trong nước. Tuy nhiên, một số trường công thường áp dụng chính sách giảm học phí cho sinh viên của tiểu bang mình. Ngoài ra, một số trường có thể thu phí nhập học đối với sinh viên nước ngoài cao hơn đối với sinh viên trong nước. Lý do là chi phí bỏ ra để xử lý các đơn xin học của sinh viên nước ngoài thường cao hơn.

Khoảng 8% số sinh viên nước ngoài ở Mỹ có thể tự trang trải chi phí cho việc ăn học. Chính phủ Mỹ và các tổ chức phi chính phủ chỉ dành một phần nhỏ ngân quỹ để tài trợ cho các sinh viên nước ngoài. Nói chung, chính quyền liên bang Mỹ không hỗ trợ tài chính cho sinh viên nước ngoài. Tuy nhiên, hầu hết các trường đều tạo điều kiện để tất cả các sinh viên, trong nước cũng như ngoài nước, được hưởng các nguồn tài trợ khác (học bổng, trợ cấp, quỹ hỗ trợ giảng dạy và nghiên cứu), sau năm học đầu tiên. Một số ít trường dành một số lượng giải thưởng hạn chế dành riêng cho sinh viên nước ngoài. Có nhiều nguồn thông tin về việc xin tài trợ học đại học và

cao đẳng ở Mỹ, như cuốn: *Diversity, Accessibility, and Quality: An Introduction to United States Education for Educators from Other Countries* của Hội đồng Tuyển sinh đầu vào của các trường đại học và cao đẳng, *College Cost and Financial Aid Handbook* của Cục Học bổng đại học và cao đẳng thuộc Vụ Đại học và cao đẳng (xem www.collegeboard.com). Viện Giáo dục quốc tế cũng xuất bản cuốn *Funding for United States Study: A Guide for International Students and Professionals* (xem www.iie.org).

Phần IV

Các vấn đề lớn của hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng của Mỹ

Những vấn đề lớn của các trường đại học và cao đẳng Mỹ, bao gồm: chi phí và các nguồn kinh phí, chất lượng và đánh giá (bao gồm đánh giá chất lượng giảng dạy), các cơ hội công bằng trong việc xin học, vấn đề quản lý, công nghệ thông tin, tính minh bạch, và quá trình quốc tế hóa trong giáo dục đại học và cao đẳng.

Chi phí và nguồn kinh phí

Hiện nay, một trong những vấn đề quan trọng và phức tạp nhất trong hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng Mỹ là chi phí đào tạo và các vấn đề liên quan đến việc tài trợ cho sinh viên. Trong 10 năm qua, học

phí ở các trường cao đẳng công 4 năm đã tăng 51% (đã điều chỉnh yếu tố lạm phát); ở các trường cao đẳng tư 4 năm, học phí tăng 35%. Mặc dù học phí tăng ở mức tương đối ổn định (khoảng 4%/năm) nhưng trong vài năm gần đây, việc tăng học phí đã gây ra nhiều ảnh hưởng nghiêm trọng về mặt quan hệ công chúng, chính trị và cá nhân cho hầu hết các trường. Học phí tăng còn làm cho công chúng phải lo lắng về khả năng học tiếp lên cao ở bậc đại học và cao đẳng của họ.

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tăng chi phí giáo dục đại học và cao đẳng. Trong những nguyên nhân này có việc chính quyền liên bang và các tiểu bang giảm nguồn kinh phí trợ cấp cho các trường; chi phí đầu tư cho các công nghệ giảng dạy mới khá cao; các trường muốn duy trì mức lương cao cho các giáo sư và nhân viên nhằm giữ được những cán bộ khoa xuất sắc nhất. Hầu hết các trường đại học và cao đẳng đã có nhiều nỗ lực nhằm duy trì mức học phí ổn định, một số khác thậm chí còn hứa hẹn chỉ tăng học phí bằng với mức tăng lạm phát. Để giảm chi phí hoạt động, trước mắt, các trường có thể thực hiện một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý. Tuy nhiên, về lâu dài, các trường cần phải tìm các nguồn kinh phí và phương cách giảng dạy ưu việt và tiết kiệm hơn. Nhiều trường hiện nay chọn biện pháp cho các công ty bên ngoài đảm nhận các dịch vụ không liên quan trực tiếp đến mục tiêu giảng dạy và đào tạo (như vấn đề ăn, ở, vệ sinh...). Một số khác đã lên các kế hoạch huy động nguồn kinh phí đào tạo và tìm các nguồn kinh phí thay thế khác.

Quà tặng hiện đang là một nguồn kinh phí đào tạo quan trọng đối với các trường đại học và cao đẳng có chất lượng cao. Trong năm học 1996-1997, quà tặng chiếm gần 5% tổng thu nhập của các trường đại học và cao đẳng công và 15% thu nhập của các trường tư. Trong số này khoảng 33% là đóng góp của các hội cựu sinh viên, 25% là của các cá nhân, 20% của các công ty, 20% của các tổ chức xã hội và phần còn lại của các tổ chức khác, trong đó có các tổ chức tôn giáo.[17] Trong số 20 trường huy động được nhiều quỹ hỗ trợ nhất trong năm học 1996-1997, có 4 trường là đại học tiểu bang (Đại học Wisconsin-Madison, Đại học California Los Angeles, Đại học California Berkeley, Đại học Pennsylvania), với số tiền huy động trung bình mỗi năm là 200 triệu đô-la Mỹ. Các nguồn đóng góp của xã hội luôn là những nguồn kinh phí đào tạo quan trọng cho các trường và ngày càng trở nên quan trọng đối với các trường công. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 100 trường huy động được các nguồn đóng góp đáng kể từ bên ngoài.

Chất lượng và đánh giá

Hiện nay, cộng đồng giáo dục đại học và cao đẳng, các nhà lãnh đạo chính trị và công chúng ngày càng quan tâm đến chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng ở Mỹ. Những quan tâm về chất lượng đồng bộ, cũng như phương pháp giảng dạy, nghiên cứu... của các trường đã đặt ra các yêu cầu phải có những

---

17. The Chronicle of Higher Education Almanac, Vol. XLVII, Số.1, 1-9-2000: trang 42.

biện pháp đánh giá chất lượng một cách chính xác, trong đó bao gồm việc soạn thảo các bài kiểm tra đánh giá thành tích của sinh viên, các biện pháp đánh giá hoạt động của khoa, và những bằng chứng cho thấy các trường đã đáp ứng được những yêu cầu về hiệu quả giảng dạy. Các nhà phê bình thường không tranh cãi nhiều về tầm quan trọng của vấn đề chất lượng, nhưng họ thường có những quan điểm khác nhau về các vấn đề như ai sẽ là người đứng ra đánh giá chất lượng của các trường và việc đánh giá chất lượng này được tiến hành ra sao. Những mối quan tâm này đã khiến các tiểu bang nảy sinh sự bất đồng về vấn đề kiểm tra trình độ chuyên môn của giáo viên và kiến thức của sinh viên. Từ những bất đồng này, đã có ý kiến cho rằng, chính quyền liên bang và các tiểu bang được tự quyền quyết định về các biện pháp đánh giá chất lượng, trong đó có cả việc đánh giá, xếp hạng các trường. Ở cả trường công và trường tư, đa số đều có quan điểm rằng, việc đánh giá chất lượng của các trường thuộc về trách nhiệm của cộng đồng các trường đại học và cao đẳng với tư cách là một tổng thể và các tiêu chuẩn dùng để đánh giá chất lượng của các trường cần phải được soạn thảo và xem xét bởi các các tổ chức chuyên nghiệp không có liên quan đến chính phủ.

Chế độ ưu đãi đối với sinh viên thiểu số

Các chế độ ưu đãi được áp dụng đối với sinh viên thiểu số nhằm mục đích tăng tỉ lệ sinh viên thuộc các

nhóm người thiểu số (nhất là người da màu và phụ nữ) trong các trường đại học và cao đẳng. Trong những năm gần đây, đã có nhiều tranh cãi xoay quanh vấn đề áp dụng các chế độ ưu đãi, nhất là ở California và Texas. Hội đồng quản trị trường Đại học California đã quyết định loại bỏ chế độ ưu tiên trong việc tuyển sinh. Kết quả là số sinh viên thiểu số theo học tại trường này vào năm 1998 đã giảm rõ rệt. Tình hình này cũng diễn ra tương tự ở Texas.

Hiện nay người Mỹ gốc Phi, người Mỹ gốc Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha (Hispanics), và người Mỹ bản địa ngày càng tụt hậu so với người Mỹ da trắng trong lĩnh vực giáo dục. Năm 1999, trong số 1.168.023 người tốt nghiệp cử nhân, chỉ có 94.053 người Mỹ gốc Phi, 61.941 người Hispanic, và 7.409 người Mỹ bản địa. Trong khi đó, số người Mỹ da trắng tốt nghiệp cử nhân đã lên đến 898.224 người [18]. Điều này đã ảnh hưởng sâu sắc đến khả năng tạo ra nhiều thu nhập và chất lượng sống của các nhóm người thuộc các các sắc tộc khác nhau ở Mỹ sau này.

Ở Mỹ, tác động của giáo dục lên vấn đề thu nhập của một người là rất rõ ràng. Năm 1998, Cecus Bureau đã có những nghiên cứu cho thấy những người tốt nghiệp cao đẳng trung bình kiếm được 47.325 đô-la Mỹ/năm, trong khi đó những người tốt nghiệp phổ thông trung học chỉ kiếm được 27.270 đô-la Mỹ/năm [19]. Sự chênh lệch này cũng khác nhau giữa các nhóm người và giới

---

18. The Chronicle of Higher Education Almanac, Vol. XLVII, Số.1, 1-9-2000: trang 32.

19. Hội đồng giáo dục Mỹ, *College Is Possible, 2001*, trang 2.

tính. Nhìn chung, trình độ học vấn và thu nhập của những người Mỹ thiểu số chỉ bằng 77% người Mỹ da trắng. Thu nhập của phụ nữ cũng chỉ bằng 2/3 thu nhập của nam giới. Vì vậy, các chế độ ưu tiên được đưa ra nhằm loại bỏ sự khác biệt về thu nhập giữa các nhóm do hậu quả của việc phân biệt.

Sự mất cân đối về giới trong giáo dục đại học và cao đẳng cũng đang ngày càng gia tăng. Mặc dù tỉ lệ nữ nhập học ở các trường đại học và cao đẳng thường cao hơn nam (năm 1998, có 55,8% số sinh viên ở các trường đại học và cao đẳng là nữ), nhưng số phụ nữ lấy được bằng tiến sĩ chỉ bằng 1/2 so với số nam giới lấy được bằng tiến sĩ. Nữ giới là giảng viên cũng chỉ bằng 1/2 so với nam giới, và nữ chỉ chiếm 16% ở các chức vụ hiệu trưởng của các trường đại học và cao đẳng.[20]

Các vấn đề về quản trị

Các vấn đề về quyền lực, thẩm quyền và trách nhiệm trong hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng ở Mỹ cũng là những vấn đề khá phức tạp. Giữa các hội đồng quản trị và các hiệu trưởng thường có nhiều xung đột. Trong nội bộ khoa cũng thường xảy ra những bất đồng về vấn đề thẩm quyền và vấn đề chuyên môn. Hội đồng quản trị thường là người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với trường của họ, nhưng họ cũng có khuynh hướng can thiệp sâu vào công việc hàng ngày

---

20. The Chronicle of Higher Education Almanac, Vol. XLVII, Số.1, 1-9-2000: trang 38

của trường. Và điều này thường gây ra căng thẳng giữa hội đồng quản trị, các hiệu trưởng và các khoa. Một số hiệu trưởng thì cho rằng, các khoa có quá nhiều quyền lực. Trong khi đó, các thành viên của khoa cho rằng các vấn đề thuộc về lĩnh vực giáo dục chuyên môn của các trường phải do khoa quyết định và nhiệm vụ của hội đồng quản trị và hiệu trưởng là tạo ra một môi trường làm việc và giảng dạy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động của khoa. Ở các trường công, xung đột về vấn đề quản trị còn có thể do sự can thiệp về chính trị của hội đồng quản trị. Bởi vì, hội đồng quản trị của các trường này thường do thống đốc bang chỉ định hoặc thông qua bầu cử theo pháp luật. Còn các trường tư có hội đồng quản trị riêng của mình, nên các trường này ít bị ảnh hưởng bởi các can thiệp chính trị hơn. Ở một số trường, vai trò của sinh viên trong việc quản trị trường cũng là một vấn đề gây nhiều tranh cãi.

Công nghệ thông tin và chính sách giáo dục

Công nghệ mới và các hình thức giảng dạy mới đang làm thay đổi môi trường học tập, làm việc của các sinh viên và các khoa ở các trường đại học và cao đẳng. Những công nghệ mới này giúp sinh viên có nhiều cơ hội tiếp xúc với các phương pháp giảng dạy mới, nhưng nó cũng đặt ra nhiều vấn đề về cường độ làm việc của khoa, về tài sản trí tuệ và quyền lợi của sinh viên.

Môi trường làm việc đang thay đổi nhanh chóng và việc ngày càng có nhiều người quan tâm đến chuyện

"học hỏi cả đời" đã dẫn đến sự bùng nổ của phương thức đào tạo từ xa. Hiện nay có nhiều khóa học được đưa lên Internet; các khóa học này có thể là một khóa học ngắn tập trung vào một lĩnh vực chuyên môn nào đó, cũng có thể là cả một chương trình lớn và cấp bằng bình thường. Những trường "đại học ảo" đang mọc lên ngày càng nhiều trên Internet và tạo điều kiện cho những người có nhu cầu học từ xa có thể theo đuổi việc học ở bậc đại học và cao đẳng.

Phương thức đào tạo từ xa đang mở rộng nhanh chóng cũng đặt ra những vấn đề mới về cạnh tranh, đánh giá, xếp hạng và quản lý chất lượng của các trường. Nhưng đồng thời điều này cũng mở ra cơ hội cho những người có đời sống kinh tế khó khăn có thể học lên đại học và cao đẳng. Ngoài ra, nó cũng làm phát sinh một số vấn đề về pháp lý. Liệu giáo dục từ xa có là một mối đe dọa cho các trường đại học và cao đẳng 2 hay 4 năm theo cơ chế hiện hành hay không? Liệu các trường đại học và cao đẳng có nên áp dụng phương thức đào tạo từ xa như là một phương thức đào tạo chủ yếu hay không? Quan hệ giữa giáo viên và sinh viên sẽ ra sao, việc thảo luận, trao đổi ý kiến của sinh viên, và những hoạt động khác của nhà trường? Làm thế nào để khách hàng có thể được bảo vệ trước những chương trình giả mạo và có chất lượng kém?

Làm thế nào để xã hội có thể bảo đảm cho sinh viên nhận được một phương pháp giảng dạy có chất lượng cao? Làm thế nào để đánh giá chất lượng của các trường đào tạo từ xa một cách có hiệu quả? Liệu các công ty có chấp nhận các bằng cấp từ xa hay không? Internet và các công nghệ khác tạo điều kiện cho giáo dục từ xa có

thể vươn rộng ra nhiều nơi trên đất nước, từ đó làm cho vấn đề đánh giá, phân loại và quản lý chất lượng các trường cũng trở nên phức tạp hơn.

Công nghệ thông tin và vấn đề toàn cầu hóa cũng khiến các trường đại học và cao đẳng đứng trước áp lực phải đạt các tiêu chuẩn quốc tế. Một số trường nước ngoài quan niệm rằng toàn cầu hóa cũng là phương Tây hóa, tức là chống lại những truyền thống và giá trị văn hóa riêng có của nước họ, và tìm cách tự bảo vệ mình trước những làn sóng du nhập các giá trị văn hóa mà họ cho là không "đảm bảo". Một số trường khác cho rằng, giáo dục đại học và cao đẳng phải đi theo những viễn cảnh và xu hướng quốc tế và không có một nước hay khu vực nào được áp đặt những tiêu chuẩn riêng. Những tranh cãi như vậy đang ngày càng trở nên phức tạp, vì người ta lo rằng, trong tương lai Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cũng sẽ can thiệp vào những vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục đại học và cao đẳng. Các nước đang phát triển thì lo rằng sẽ có nhiều hệ thống giáo dục tiên tiến hơn gây cản trở cho việc xây dựng các hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng có hiệu quả ở các nước thuộc Thế giới Thứ ba.

Trách nhiệm

Trách nhiệm là một yêu cầu ngày càng có tính quan trọng mà các trường đại học và cao đẳng phải chứng minh được trước các cơ quan thuế, chính phủ và các sinh viên. Đôi khi người ta cho rằng hoạt động của các trường đã đi khỏi những chức năng cơ bản của nó. Các chương trình nghiên cứu ngày càng chiếm vị trí

quan trọng, và giảng dạy không còn được coi trọng như trước đây. Kết quả là, quốc hội Mỹ đã ban hành nhiều đạo luật chi phối nhiều hoạt động của các trường. Tuy nhiên, đến nay còn quá ít đạo luật có tác dụng, trong khi đó chính phủ ngày càng đòi hỏi cao về trách nhiệm. Chẳng hạn, một số chính quyền tiểu bang yêu cầu các trường trong bang phải đáp ứng những đòi hỏi của bang và phải đạt được những chỉ tiêu trong hoạt động mà các quan chức của bang đã đặt ra.

Mặc dù các trường đại học và cao đẳng đang lo sợ sẽ mất dần tính độc lập của mình, song họ cũng nhận thức được tầm quan trọng của trách nhiệm. Người ta chỉ lo là khi trách nhiệm đã được đưa lên thành một vấn đề mang tính chính trị thì giáo dục đại học và cao đẳng sẽ mất đi tính độc lập, công khai, và linh hoạt – những điều kiện cần thiết để các trường hướng tới vấn đề chất lượng và phát huy tính sáng tạo.

Quá trình quốc tế hóa

Nhiều trường đại học và cao đẳng ở Mỹ đang tập trung nỗ lực để quốc tế hóa các chương trình đào tạo, nghiên cứu và phục vụ. Chương trình Fulbright dành cho việc trao đổi sinh viên, học giả và giáo viên giữa các nước được thành lập năm 1946 là nhằm mục đích thúc đẩy các quan hệ trao đổi giáo dục quốc tế. Trong những thập niên 1950, 1960 nhiều công trình nghiên cứu liên ngành đã được phát triển ở các trường đại học nghiên cứu (và một số các trường khác) nhằm nghiên cứu về châu Mỹ La Tinh, châu Phi, Nga, châu Âu, Trung Đông, và châu Á. Các lĩnh vực nghiên cứu

ngôn ngữ, chính trị, xã hội, văn hóa và những khu vực khác của thế giới cũng được quan tâm hơn. Chiến tranh lạnh đã làm cho nhu cầu nghiên cứu những lĩnh vực này ngày càng tăng, và chính quyền liên bang Mỹ đã hỗ trợ tài chính cho các hoạt động đào tạo, thành lập các quỹ học bổng, trợ cấp kinh phí đi lại thông qua nhiều chương trình, trong đó có những khoản trợ cấp dành cho hoạt động nghiên cứu ngoại ngữ và các nghiên cứu vùng.

Khi chiến tranh lạnh kết thúc, nguồn hỗ trợ tài chính này đã bị giảm đi phần nào. Dưới những áp lực tài chính vào thập niên 1980, nhiều cán bộ khoa của các lĩnh vực ngoại ngữ và nghiên cứu quốc tế đã không được thay thế. Hỗ trợ của chính quyền liên bang cho các chương trình quốc tế cũng sụt giảm. Chẳng hạn, kinh phí cho các chương trình Fulbright-Hays và Title VI đã giảm tương ứng 43% và 14% so với đỉnh cao của nó vào thập niên 1960.[21]

Trong khi số sinh viên học tiếng nước ngoài tăng nhẹ từ năm 1990 đến năm 1998, tỉ lệ sinh viên thi vào khoa ngoại ngữ của các trường đại học và cao đẳng lại giảm từ 8,2% xuống còn 7,9% trong cùng thời gian này và chỉ còn bằng một nửa con số vào năm 1960.[22]

---

21. Fed M. Hayward, Hội đồng Giáo dục Mỹ, *Internationalization of U.S. Higher Education: Preliminary Status Report 2000*, trang 22-23.

22. Cùng tài liệu trên, trang 6, giúp sinh viên có nhiều cơ hội để tiếp xúc với các phương pháp giảng dạy mới nhưng nó cũng đặt ra nhiều vấn đề về cường độ làm việc của khoa, về tài sản trí tuệ và quyền lợi của sinh viên.

Một vấn đề khác là liệu sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học và cao đẳng có đủ kiến thức và kỹ năng về ngoại ngữ cần thiết để trở thành những công dân toàn cầu trong thiên niên kỷ mới hay không. Liệu Mỹ có thể cạnh tranh một cách có hiệu quả trong trường chính trị, kinh tế, tri thức ngày càng mang tính toàn cầu hóa hay không, nhất là trong bối cảnh đội ngũ các chuyên gia và những người tốt nghiệp đại học chuyên ngành được trang bị ít hơn đội ngũ sinh viên tốt nghiệp đại học ở các nước khác, từ đó họ cũng khó có thể hiểu biết và hoạt động trong môi trường quốc tế như sinh viên của các nước khác được.

Khi các vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội, y tế, môi trường trở nên cấp bách, nếu muốn có được những mối quan hệ kinh tế, chính trị xã hội hiệu quả, điều quan trọng là công dân của các nước khác nhau phải có khả năng hiểu biết nhau và giao tiếp với nhau một cách có hiệu quả.

Những vấn đề khác

Những vấn đề khác đang có xu hướng trở thành những vấn đề chủ yếu trong lĩnh vực giáo dục đại học và cao đẳng, bao gồm: tính hiệu quả, lãnh đạo có hiệu quả, sự công nhận quốc tế, các mục tiêu nghiên cứu, và tỉ lệ sinh viên thành công. Nền kinh tế, những xung đột trong quan hệ quốc tế, những thay đổi về chính trị xã hội cũng sẽ tiếp tục là những vấn đề trung tâm có ảnh hưởng đến hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng vào bất cứ thời điểm nào.

Phần V

Các tổ chức và các cơ quan của Chính phủ Mỹ có liên quan đến giáo dục đại học và cao đẳng

Dưới đây là danh sách các tổ chức và cơ quan có liên quan đến giáo dục đại học và cao đẳng ở Mỹ. Để có được một danh sách chi tiết và đầy đủ hơn về các cơ quan của Chính phủ Mỹ và các tổ chức của tư nhân có liên quan đến hoạt động trao đổi văn hóa, giáo dục, các bạn có thể tham khảo thêm cuốn *International Exchange Locator: A resource Directory for Educational and Cultural Exchange (Danh bạ các cơ quan trao đổi giáo dục và văn hóa quốc tế)* do Ủy ban Trao đổi giáo dục và văn hóa quốc tế phối hợp với Cơ quan Thông tin Mỹ xuất bản hàng năm.

CÁC TỔ CHỨC

Viện phát triển giáo dục
(Academy for Educational Development – AED)

1875 Connecticut Avenue NW
Washington, DC 20009-1202
ĐT: (202)884-8000
Fax: (202) 884-8400
E-mail: admindc@aed.org
Web site: http://www.aed.org

AED là một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập nhằm mục đích giúp đỡ mọi người trên thế giới đáp ứng được các nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của mình thông qua giáo dục, đào tạo, nghiên cứu xã hội và các hành vi ứng xử, phân tích chính sách. AED còn hỗ trợ các cơ quan thuộc chính quyền liên bang, tiểu bang và địa phương, các tổ chức tư nhân và phi chính phủ, các trường phổ thông, các trường đại học và cao đẳng, các tổ chức đóng tại cộng đồng, địa phương.

Viện Mỹ-Phi (Africa-America Institute – AAI)

833 United Nations Plaza
New York, NY 10017
ĐT: (212) 949-5666
1625 Massachusetts Avenue NW
Washington, DC 20036
ĐT: (202) 667-5636
Web site: http://www.aaionline.org

AAI là một tổ chức tư nhân, phi lợi nhuận, được thành lập nhằm mục đích phát triển châu Phi, tăng

cường sự hiểu biết giữa châu Phi và châu Mỹ, và cung cấp cho người Mỹ những thông tin về châu Phi. AAI có trụ sở đặt tại New York City, ngoài ra tổ chức này còn có một văn phòng ở Washington và các văn phòng đại diện ở 23 nước châu Phi.

Hiệp hội Trao đổi văn hóa và giáo dục quốc tế (Alliance for International Educational and Cultural Exchange)

1776 Massachusetts Avenue NW, Suite 600
Washington, DC 20036
ĐT: (202)293-6141
Fax: (202)293-6144
Email: info@alliance-exchange.org
Web site: http://www.alliance-exchange.org

Đây là một hiệp hội của các tổ chức phi lợi nhuận hoạt động trao đổi văn hóa và giáo dục quốc tế ở Mỹ. Nhiệm vụ của hiệp hội này là hình thành và thúc đẩy việc áp dụng các chính sách công, nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của các hoạt động trao đổi quốc tế giữa nhân dân Mỹ và nhân dân các nước khác trên thế giới.

Tổ chức Giáo dục và đào tào Mỹ-Trung Đông (American-Mideast Educational & Training Services, Inc. – AMIDEAST)

1730 M Street NW, Suite 1100
Washington, DC 20036-4505
ĐT: (202) 776-9600

Fax: (202) 776-7000
Email: inquiries@amideast.org
Web site: http://amideast.org

AMIDEAST cung cấp các dịch vụ tư vấn và khảo thí cho các sinh viên và các tổ chức thuộc khối Arabia có quan tâm đến các cơ hội giáo dục ở Mỹ (chủ yếu thông qua các văn phòng đặt ở nước ngoài); quản lý các chương trình giáo dục và đào tạo (chủ yếu ở Washington, DC) cho các chính phủ, công ty, và các tổ chức tài trợ cho sinh viên Arabia; cung cấp các chương trình bằng tiếng Anh cho các khách hàng là các cơ quan chính phủ, các công ty và các tổ chức xã hội ở Bahrain, Ai Cập, Kuwait, Lebanon, Tunisia, và Yemen; cung cấp các xuất bản và băng hình hỗ trợ cho các hoạt động trao đổi giáo dục và một số tài liệu nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy về Arabia ở các trường phổ thông trung học và cao đẳng Mỹ; hỗ trợ kỹ thuật cho việc xây dựng các trường học thuộc khối Arabia.

Hiệp hội Giáo dục đại học và cao đẳng Mỹ (American Association for Higher Education – AAHE)

One Dupont Circle NW, Suite 360
Washington, DC 20036-1110
ĐT: (202) 293-6440
Fax: (202) 293-0073
Website: http://www.aahe.org

AAHE là một tổ chức thúc đẩy các trường đại học và cao đẳng thực hiện những thay đổi, nhằm tăng tính hiệu quả trong một thế giới phức tạp và có nhiều mối quan hệ đan xen. Hiệp hội này trang bị cho các cá

nhân và các trường có đủ kiến thức cần thiết để thực hiện những thay đổi này. Để đạt được điều này, AAHE đứng ra điều phối các chương trình nghị sự về các xu hướng thay đổi, tổ chức các diễn đàn và đóng góp kiến thức, đề xướng và ủng hộ các cách làm hiệu quả, cung cấp tài liệu và thúc đẩy việc áp dụng các học thuyết mới, và giúp các trường phát triển năng lực của họ.

Hiệp hội Các trường đào tạo giáo viên Mỹ (American Association of Colleges for Teacher Education – AACTE)

1307 New York Avenue NW, Suite 300
Washington, DC 20005-4701
ĐT: (202) 293-2450
Fax: (202) 457-8095
Website: http://www.aacte.org

AACTE là một hiệp hội tư nhân, phi chính phủ và phi lợi nhuận, được thành lập nhằm mục đích hoàn thiện các chương trình đào tạo giáo viên. Các thành viên của AACTE là các trường đại học và cao đẳng Mỹ có tham gia các chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên và những người quản lý trong ngành giáo dục, các giáo viên tại chức và các chương trình nghiên cứu về giáo dục.

Hiệp hội Các quan chức tuyển sinh và đăng ký ở các trường đại học Mỹ (Amercian Association of Collegiate Registrars and Admissions Officers – AACRAO)

One Dupont Circle NW, Suite 520
Washington, DC 20036-1171
ĐT: (202) 293-9161

Fax: (202) 872-8857
Website: http://www.aacrao.org

AACRAO gồm có 8.400 thành viên cá nhân đến từ 2.400 trường đại học và cao đẳng ở Mỹ và nước ngoài. Các thành viên này là những chuyên gia phụ trách các vấn đề tuyển sinh, quản lý việc đăng ký học và hỗ trợ các chương trình tài trợ cho sinh viên, quản lý hồ sơ sinh viên, lên lịch trình, đặt ra các tiêu chuẩn về giáo dục, quản lý các công trình nghiên cứu, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên. AACRAO còn có một số thành viên khác đến từ các cơ quan, các doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực giáo dục. AACRAO có Văn phòng Dịch vụ giáo dục quốc tế thực hiện việc đánh giá xếp hạng cho các trường thành viên và giúp đào tạo các chuyên gia trong việc đánh giá.

Hiệp hội Các trường cao đẳng cộng đồng Mỹ (American Association of Community Colleges – AACC)

One Dupont Circle NW, Suite 410
Washington , DC 20036
ĐT: (202) 728-0200
Fax:(202) 833-2467
Web site: http://aacc.nche.edu

AACC hỗ trợ các trường thành viên về mặt pháp lý, theo dõi các vấn đề và xu hướng quốc gia; thu thập, phân tích và phổ biến thông tin; làm việc với các cơ quan giáo dục khác và các cơ quan thông tấn quốc gia; nghiên cứu và xuất bản tin tức và các phân tích của các học giả. AACC có Văn phòng Dịch vụ quốc tế chịu trách nhiệm cung cấp cho các thành viên của AACC

các thông tin về nguồn tài trợ kinh phí; theo dõi các cơ hội trao đổi với nước ngoài cho các khoa, các nhà quản lý, và sinh viên; theo dõi các vấn đề về pháp lý có ảnh hưởng đến môi trường giáo dục quốc tế.

Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng tiểu bang Mỹ (American Association of State Colleges and Universities – AASCU)

1307 New York Avenue NW, Fifth Floor
Washington, DC 20005-4701
ĐT: (202) 293-7070
Fax: (202) 296-5819
Web site: http://www.aascu.org

AASCU bao gồm hơn 400 thành viên là các trường đại học và cao đẳng công ở Mỹ và Puerto Rico, Guam, và Virgin Islands. ASSCU thúc đẩy sự hiểu biết về vai trò quan trọng của hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng công trong xã hội; theo dõi các chính sách công ở các cấp độ của trường, tiểu bang và quốc gia; đáp ứng lợi ích của các thành viên bằng cách hỗ trợ về mặt xây dựng các chính sách và các chương trình đào tạo; tạo các cơ hội và hỗ trợ cho các trường phát triển chuyên môn. Văn phòng Các chương trình quốc tế của AASCU hỗ trợ các thành viên trong việc tổ chức các chương trình xuyên văn hóa và quốc tế thông qua nhiều hoạt động phát triển của các trường và các khoa.

Hội đồng Giáo dục Mỹ
(American Council on Education – ACE)

One Dupont Circle NW, Suite 800
Washington, DC 20036-1193

ĐT: (202) 939-9313
Fax: (202) 785-8056
Web site: http:/ /www.acenet.edu

ACE gồm có hơn 1.800 trường thành viên thuộc lĩnh vực giáo dục đại học và cao đẳng và 200 tổ chức khu vực và quốc gia. ACE được xem là hiệp hội giáo dục đại học và cao đẳng toàn diện nhất nước Mỹ. ACE điều tra các vấn đề được nhiều người quan tâm, chỉ định các cơ quan, tổ chức thích hợp để giải quyết các vấn đề này, theo dõi các vấn đề thuộc pháp luật còn tồn tại, làm ảnh hưởng đến hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng, và làm chiếc cầu nối giữa các trường với các cơ quan chính phủ.

Trong việc hợp tác với Uỷ ban Giáo dục quốc tế của ACE, ACE đóng vai trò là nguồn cung cấp các thông tin về giáo dục quốc tế cho các trường thành viên, những người ra chính sách, và cho công chúng; giúp đỡ các trường thành viên củng cố các chương trình quốc tế và xây dựng các chương trình đào tạo theo khuôn khổ quốc tế; đóng vai trò hướng dẫn các nước xây dựng các chính sách giáo dục quốc tế; xây dựng các mối liên kết, quan hệ với các tổ chức quốc gia ở các nước khác và với các tổ chức giáo dục đại học và cao đẳng quốc tế.

Các hội đồng giáo dục quốc tế Mỹ (American Councils for International Education – ACTR/ACCELS)

1776 Massachusetts Avenenue NW
Suite 700

Washington, DC 20023
ĐT: (202)833-7522
Fax: (202)833-7523
Email: general@actr.org
Web site: http://www.actr.org

ACTR/ACCELS là một hiệp hội giáo dục tư nhân phi lợi nhuận, được thành lập nhằm mục đích hoàn thiện việc giáo dục, đào tạo chuyên môn, và tham gia vào các dự án nghiên cứu ở các nước nói tiếng Nga, bao gồm liên bang Nga và các nền văn hóa không thuộc Nga ở Đông Âu và Á Âu. Được thành lập năm 1974, hiện nay ACTR/ACCELS quản lý hơn 20 chương trình trao đổi văn hóa và đào tạo do Bộ Giáo dục Mỹ và các tổ chức tài trợ khác cấp kinh phí. Các chương trình này đã đưa hàng ngàn sinh viên, học giả và các nhà lãnh đạo địa phương từ các khu vực nói trên đến Mỹ học mỗi năm. ACTR/ACCELS còn hỗ trợ các chương trình giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ địa phương, trong đó có việc biên soạn sách giáo khoa về tiếng Nga và các ngôn ngữ khác cho khu vực, xây dựng khoa và các chương trình đào tạo, hỗ trợ cho các chương trình tìm hiểu thực tế dành cho khoảng 800 sinh viên và học giả của Mỹ mỗi năm.

Hiệp hội Các cơ quan quản lý giáo dục quốc tế (Association of International Education Administrators – AIEA)

Địa chỉ liên lạc:
AIEA Secretariat
c/o Timithy J. Rutenber
Office of International Education

University of Buffalo
411 Capen Hall, Box 601604
Buffalo, New York 14260-1604
ĐT: (716) 645-2368
Fax: (716)645-2528
Email: rutenber@buffalo.com
Web site: http://www.aieaworld.org

AIEA là một tổ chức được thành lập tháng 11-1982, bao gồm các nhà lãnh đạo của các trường tham gia vào các chương trình hoàn thiện hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng.

Văn phòng liên lạc của Tổ chức hợp tác phát triển giáo dục đại học (Association Liaison Office for University Cooperation in Development – ALO)

1307 New York Avenue NW, Suite 500
Washington, DC 20005-4701
ĐT: (202) 478-4700
Fax: (202) 478-4715
Email: alo@aascu.org
Web site: http://www.aascu.org/alo

ALO kết hợp nỗ lực của 6 hiệp hội giáo dục đại học và cao đẳng chủ yếu của Mỹ [*] nhằm tăng cường sự hợp tác của các hiệp hội này với Cơ quan Phát

---

[*] *Sáu hiệp hội này bao gồm Hiệp hội Các trường cao đẳng địa phương, Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng tiểu bang, Hội đồng Giáo dục Mỹ, Hiệp hội Các trường đại học Mỹ, Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng độc lập quốc gia, Hiệp hội quốc gia của các trường đại học và cao đẳng được cấp đất ở tiểu bang.*

triển quốc tế Mỹ (USAID) và giúp các trường thành viên lên kế hoạch và thực hiện các chương trình phát triển với các trường đại học và cao đẳng ở nước ngoài. ALO cũng giám sát và quản lý các thỏa thuận hợp tác giữa USAID và 6 hiệp hội.

Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Mỹ (Association of Amercian Colleges and Universities – AAC&U)

1818 R Street NW
Washington, DC 20009
ĐT: (202) 387-3760
Fax: (202)265-9532
Email: info@aacu.nw.dc.us
Web site: http://www.aacu-edu.org

AAC&U tài trợ cho các dự án, nhằm hỗ trợ cho việc học tự do ở các campus ở Mỹ, trong đó có những dự án tập trung vào lĩnh vực giáo dục quốc tế. Ví dụ: dự án xây dựng khoa và chương trình đào tạo kéo dài 1 năm ở Nhật; tìm hiểu mục đích và thực tiễn việc dạy và học ngoại ngữ ở các trường đại học và cao đẳng với sự phối hợp của Trung tâm Ngoại ngữ quốc gia, thuộc trường Đại học Hopkins; dự án tư vấn cho các trường đại học quốc gia Nhật xây dựng các chương trình giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên chưa tốt nghiệp đại học ở Mỹ do *Quỹ Hoàn thiện giáo dục đại học và cao đẳng* tài trợ.

Hiệp hội Các trường đại học Mỹ (Association of American Universities – AAU)

1200 New York Avenue NW, Suite 550
Washington, DC 20005

ĐT: (202) 408-7500
Web site: http://www.aau.edu

AAU phục vụ các trường thành viên thông qua các hoạt động được thiết kế nhằm khuyến khích các trường thành viên kịp thời xem xét các vấn đề chủ yếu có tác động đến chất lượng của các công trình nghiên cứu khoa học và hệ thống giáo dục cấp cao. AAU giúp các trường thành viên trong việc giao tế với chính quyền liên bang. AAU được thành lập năm 1900 bởi 14 trường đại học ở Mỹ có đào tạo tiến sĩ. Hiện nay, hiệp hội này có 60 thành viên, gồm các trường đại học ở Mỹ và Canada có tổ chức các chương trình đào tạo và nghiên cứu uy tín dành cho những người đã tốt nghiệp đại học và cao đẳng.

Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng thuộc đạo Công giáo (Association of Catholic Colleges and Universities – ACCU)

One Dupont Circle NW, Suite 650
Washington, DC 20036
ĐT: (202) 457-0650
Fax: (202) 728-0977
Email: accu@accunet.org
Web site: http://www.accunet.org

ACCU là tổ chức liên lạc giữa các trường đại học và cao đẳng theo đạo công giáo và đại diện cho họ trong các mối quan hệ với các trường đại học và cao đẳng quốc gia, các trường đại học và cao đẳng có liên quan đến nhà thờ, Liên đoàn các trường đại học quốc tế theo đạo công giáo và nhiều cơ quan chính phủ liên

bang khác. ACCU có Văn phòng Giáo dục quốc tế chịu trách nhiệm trao đổi các chương trình trao đổi giữa sinh viên với các khoa và nỗ lực đề cao ý thức của các khoa và sinh viên ở Mỹ về những vấn đề đang được thế giới quan tâm.

Hiệp hội Các hội đồng quản trị các trường đại học và cao đẳng (Association of Governing Boards of Universities and Colleges – AGB)

One Dupont Circle NW, Suite 400
Washington, DC 20036
ĐT: (202) 296-8400
Fax: (202) 223-7053
Web site: http://www.agb.org

AGB được thành lập nhằm củng cố hoạt động của các hội đồng quản trị của các trường đại học, cao đẳng công và tư. AGB đóng vai trò là chiếc cầu nối giữa các hội đồng quản trị và ban giám hiệu của các trường.

Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng thuộc dòng Tên (Association of Jesuit Colleges and Universities – AJCU)

One Dupont Circle NW, Suite 405
Washington, DC 20036
ĐT: (202) 862-9893
Fax: (202) 862-8523
Email: office@ajcunet.edu
Web site: http://www.ajcunet.edu

AJCU là tổ chức đại diện cho 28 trường đại học và cao đẳng theo dòng tu ở Mỹ. AJCU đóng vai trò là

người đại diện cho các trường này ở Washington với tư cách là nơi cung cấp thông tin về các trường này.

Hiệp hội Các Trưởng phòng cơ sở vật chất đại học và cao đẳng (The Association of Higher Education Facilities Officers – APPA)

1643 Prince Street
Alexandria, VA 22314-2818
ĐT: (703) 684-1446
Fax: (703) 549-2772
Website: http://www.appa.org

APPA đại diện cho hơn 1.500 trường đại học và cao đẳng ở Mỹ, Canada, Úc, New Zealand và một số nước khác. Mục đích của APPA là thúc đẩy sự tiến bộ của các cơ quan hỗ trợ giáo dục trong vấn đề quản trị, hoạt động, hoạch định, và phát triển.

Văn phòng Giáo dục quốc tế (The College Board/Office of International Education)

1233 20th Street NW, Suite 600
Washington, DC 20036
ĐT: (202) 822-5900
Fax: (202) 822-5234
Email: internatl@collegeboard.org
Web site: http://www.collegeboard.com

Đây là một tổ chức giáo dục phi lợi nhuận, bao gồm 2.500 trường cao đẳng, phổ thông, các hệ thống trường phổ thông, và các hiệp hội giáo dục. Thông qua Văn phòng Giáo dục quốc tế, tổ chức này tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên người Mỹ sinh sống ở

nước ngoài và các sinh viên nước ngoài có thể theo học ở các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ.

Liên đoàn Giáo dục quốc tế của các trường Đại học (College Consortium for International Studies – CCIS)

2000 P Street NW, Suite 503
Washington, DC 20036
ĐT: (202) 223-0330
Fax: (202) 223-0999
Email: info@ccisabroad.org
Web site: http://www.ccisabroad.org

CCIS là một tổ chức liên kết giữa các trường đại học dưới mọi hình thức và các nhà tài trợ của nhiều chương trình khác nhau – nhất là các chương trình nghiên cứu ở nước ngoài và các hội thảo phát triển chuyên môn dành cho các khoa và các nhà quản lý. Các chương trình này được xây dựng nhằm tăng cường triển vọng quốc tế và đa văn hóa của cộng đồng giáo dục.

Quỹ Đại học (The College Fund – UNCF)

8260 Willow Oaks Corporate Drive
Fairfax, VA 22031
ĐT: (703) 205-3400
Web site: http://www.uncf.org

Đây là tổ chức hỗ trợ giáo dục Mỹ-Phi lâu đời nhất ở Mỹ. Tổ chức này bao gồm 39 trường đại học và cao đẳng 4 năm của tư nhân, có tiếng tăm dành cho người da đen. Mặc dù UNCF đã mở rộng phạm vi hoạt động của mình bằng cách cung cấp nhiều

chương trình được xây dựng nhằm củng cố chất lượng giáo dục của các tài năng trẻ tuổi ở Mỹ, mục đích chính của tổ chức này vẫn là hỗ trợ tài chính cho các sinh viên xứng đáng, huy động nguồn kinh phí hoạt động cho các trường đại học và cao đẳng thành viên và hỗ trợ tài chính cho các trường thành viên.

Hội đồng Giám định các trường đại học và cao đẳng (Council for Higher Education Accreditation – CHEA)

One Dupont Circle NW, Suite 510
Washingtton, DC 20036
ĐT: (202) 955-6126
Fax: (202) 955-6129
Email: chea@chea.org
Web site: http://www.chea.org

CHEA là một tổ chức phi chính phủ, được thành lập nhằm hỗ trợ vai trò của các tổ chức đánh giá xếp hạng trong việc thúc đẩy và đảm bảo việc nâng cao chất lượng của hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng ở Mỹ. CHEA tổ chức, điều phối và xem xét các công việc của các tổ chức đánh giá xếp hạng và quyết định xem cơ quan đánh giá nào được tồn tại và định hướng cho hoạt động của nó.

Hội đồng Trao đổi học giả quốc tế (Council for International Exchange of Scholars – CIES)

3007 Tilden Street NW, Suite 5L
Washington, DC 20008-3009
ĐT: (202) 686-4000

Fax: (202) 362-3442
Email: scholars@cies.iie.org
Web site: http://www.iie.org/cies

CIES kết hợp với Viện Giáo dục quốc tế để hợp tác với Cơ quan Thông tin Mỹ trong việc quản lý chương trình Fulbright dành cho các học giả lớn tuổi. Mỗi năm, CIES thông báo khoảng 1.000 giải thưởng Fulbright đến các học giả ở Mỹ đến giảng dạy hoặc thực hiện các chương trình nghiên cứu ở các trường đại học thuộc 135 nước trên thế giới. CIES cũng hỗ trợ quản lý gần 1.000 giải thưởng Fulbright được cấp cho các học giả ở các nước khác mỗi năm, nhằm khuyến khích họ đến Mỹ nghiên cứu, giảng dạy hoặc làm công tác tư vấn.

Hội đồng Các hiệu trưởng các trường đại học và cao đẳng tiểu bang (Council of Chief State School Officers – CCSSO)

One Massachusetts Avenue NW, Suite 700
Washington, DC 20001-1431
ĐT: (202) 408-5505
Fax: (202) 408-8072
Web site: http://www.ccsso.org

CCSSO cung cấp cho các nhà hoạt động chuyên môn trên thế giới các thông tin về hoạt động giáo dục thực tiễn và các tài liệu giáo dục, các phương pháp sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề thông qua việc đồng tài trợ cho các hội nghị quốc tế và các chương trình trao đổi chiến lược quốc tế.

Hội đồng Các trường sau cử nhân
(Council of Graduate Schools – CGS)

One Dupont Circle NW, Suite 430
Washington, DC 20036
ĐT: (202) 223-3791
Fax: (202) 331-7157
Web site: http://www.cgsnet.org

CGS được thành lập năm 1961 như là một tổ chức của các trường đại học và cao đẳng tham gia các lĩnh vực giáo dục những người đã tốt nghiệp đại học, nghiên cứu và xây dựng quỹ học bổng. Các thành viên của CGS bao gồm 415 trường dành cho những người đã tốt nghiệp đại học, trong đó có 12 trường đại học Canada và 8 thành viên là các hiệp hội quốc tế. Các trường thành viên ở Mỹ thu nhận khoảng 80% số sinh viên đã tốt nghiệp. CGS được thành lập nhằm hoàn thiện và thúc đẩy sự tiến bộ của hệ thống giáo dục sau đại học. CGS đóng vai trò là nơi tập trung quyền lực, đứng ra triệu tập các hiệu trưởng của các trường, nhằm hợp lực thực hiện các chương trình hành động, thành lập các uỷ ban, tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề, các kỳ họp thường niên, nhằm bàn bạc các vấn đề lớn và rút ra chương trình hành động.

Hội đồng Các trường Đại học độc lập
(Council of Independent Colleges – CIC)

One Dupont Circle NW, Suite 320
Washington, DC 20036
ĐT: (202) 466-7230
Fax: (202) 466-7238

Email: cic@cic.nche.edu
Web site: http://www.cic.edu

Được thành lập năm 1956, CIC là một hiệp hội quốc tế bao gồm hơn 400 trường đại học và cao đẳng độc lập trong lĩnh vực nghệ thuật. CIC làm việc với các chủ tịch hội đồng quản trị, các hiệu trưởng và những người làm công tác quản lý khác của các trường và khoa, nhằm giúp các trường thành viên củng cố các chương trình giáo dục, hoàn thiện hoạt động tài chính và quản lý, mở rộng tầm nhìn. CIC còn là nơi tư vấn cho các nhà lãnh đạo của các trường và đưa ra các ý tưởng về cải cách giáo dục.

Hội đồng Trao đổi giáo dục quốc tế (Council on International Educational Exchange – CIEE)

633 Third Avenue, 20th Floor
New York, NY 10017
ĐT: (212) 822-2699
Fax: (212) 822-2779
Email: info@ciee.org
Web site: http://www.ciee.org

CIEE là một tổ chức phi lợi nhuận, phi chính phủ và là một trong những tổ chức hàng đầu của thế giới đứng ra thực hiện các chương trình trao đổi giáo dục quốc tế và các hoạt động có liên quan. Các lĩnh vực trao đổi của CIEE, bao gồm: chuyên môn/kinh doanh, các chương trình của các trường đại học và cao đẳng, các chương trình giáo dục phổ thông trung học, các chương trình nghiên cứu ngôn ngữ, các chương trình trao đổi việc làm, các công tác tình nguyện, và dịch vụ đi lại.

Trung tâm Thông tin về các nguồn lực giáo dục đại học và cao đẳng (Educational Resources Information Center Clearinghouse on Higher Education – ERIC/HE)

The George Washington Univeristy
Graduate School of Education and Human Development
One Dupont Circle NW, Suite 630
Washington, DC 20036-1183
ĐT: (202) 296-2597 or (800)773-ERIC
Fax: (202) 452-1844
Web site: http://www.eriche.org

ERIC là một hệ thống thông tin quốc gia được thành lập, nhằm cung cấp cho người sử dụng các thông tin về giáo dục. ERIC được thành lập vào năm 1996 dưới sự hỗ trợ của Bộ Giáo dục Mỹ, Văn phòng Nghiên cứu và hoàn thiện giáo dục và Thư viện Giáo dục quốc gia.

Viện Giáo dục quốc tế
(Institute of International Education – IIE)

809 United Nations Palza
New York, NY 10017-3580
ĐT: (212) 984-5400
Fax: (212) 984-5452
1400 K Street NW
Washington, DC 20005-2403
ĐT: (202)898-0600
Web site: http://www.iie.org

Được thành lập năm 1919, IIE là tổ chức trao đổi trao đổi giáo dục phi lợi nhuận lớn nhất của tư nhân ở Mỹ.

Mỗi năm, IIE hỗ trợ cho 10.000 sinh viên Mỹ và sinh viên nước ngoài, các khoa, các chuyên gia phát triển ở nước ngoài, cũng như những tài năng nước ngoài đến Mỹ.

Hiệp hội quốc gia về cơ hội bình đẳng trong giáo dục đại học và cao đẳng (National Association for Equal Opportunity in Higher Education – NAFEO)

8701 George Avenue, Suite 200
Silver Spring, MD 20910
ĐT: (301) 650-2440
Fax: (301) 495-3306
Web site: http:/ /www.nafeo.org

NAFEO là một tổ chức thúc đẩy việc thực hiện các chính sách công của quốc gia, đại diện cho 118 trường đại học và cao đẳng của người da đen. NAFEO đại diện cho quyền lợi của các trường đại học và cao đẳng của người da đen thông qua các chi nhánh hành pháp và lập pháp của chính quyền liên bang và tiểu bang, đồng thời chủ trương xây dựng một hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng - trong đó các dân tộc thiểu số, tất cả mọi người - bất kể là xuất thân từ tầng lớp xã hội nào - cũng đều được đối xử bình đẳng.

Hiệp hội Các nhà giáo dục quốc tế (Association of International Educators - NAFSA)

1307 New York Anvenue NW, Eighth Floor
Washington, DC 20005-4701
ĐT: (202) 737-3699
Fax: (202) 737-3657

Email: inbox@nafsa.org
Web site: http://www.nafsa.org

NAFSA là một hiệp hội phi lợi nhuận được thành lập nhằm cung cấp các dịch vụ đào tạo, thông tin, giáo dục cho các chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực trao đổi giáo dục quốc tế. Hiệp hội này xây dựng và duy trì các tiêu chuẩn trong hoạt động trao đổi giáo dục quốc tế. NAFSA còn tổ chức các diễn đàn bàn về các vấn đề và hệ thống chia sẻ thông tin. NAFSA đang kêu gọi sự quan tâm và hỗ trợ của các chính phủ và cộng đồng đối với hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng quốc tế.

Các thành viên của NAFSA bao gồm các nhà tư vấn cho sinh viên nước ngoài, các quan chức tuyển sinh quốc tế, các giáo viên và những người quản lý chương trình ESL, những người quản lý việc nghiên cứu ở nước ngoài, các nhà tư vấn giáo dục nước ngoài, các nhóm hỗ trợ của cộng đồng, những người quản lý các chương trình được tài trợ, và một số quan chức của các trường thực hiện các chương trình quốc tế hóa và đưa các chương trình và dịch vụ quốc tế vào trong các trường đại học và cao đẳng. NAFSA còn thu nhận thành viên từ các hiệp hội, công ty quốc gia và quốc tế, các trung tâm nghiên cứu, các tổ chức cộng đồng và các nhóm văn hóa.

Hiệp hội quốc gia của các quan chức kinh doanh của các trường đại học và cao đẳng (National Assocation of College and University Business Officers – NACUBO)

2501 M Street NW, Suite 400
Washington, DC 20037

ĐT: (202) 861-2500
Fax: (202) 861-2583
Web site: http:/ /www.nacubo.org

Nhiệm vụ của NACUBO là thúc đẩy sự quản lý và quản trị tài chính vững mạnh của các trường đại học và cao đẳng. NACUBO đưa ra các chương trình thường xuyên bao gồm các mối liên hệ liên bang, các chương trình nghiên cứu, giao tế, hội thảo và trao đổi thông tin. Chủ đề của những chương trình này thường là kế toán và hạch toán chi phí, hoạch định, lập ngân sách, quản lý các hợp đồng và các khoản trợ cấp, quản lý các hạng mục đầu tư, tài trợ cho sinh viên, bảo hiểm và quản lý rủi ro, đánh giá tình trạng tài chính của các trường, vấn đề nhân sự, an toàn và an ninh, lập kế hoạch và quản lý các phương tiện hỗ trợ, vấn đề năng lượng, pháp lý, thụ mua, quản lý nội bộ và kiểm toán.

Hiệp hội quốc gia của các trường đại học và cao đẳng độc lập (National Assocation of Independent Colleges and Universities – NAICU)

1025 Connecticut Avenue NW, Suite 700
Washington, DC 20036-5405
ĐT: (202) 785-8866
Fax: (202) 835-0003
Web site: http:/ /www.naicu.edu

NAICU đại diện cho các trường đại học và cao đẳng độc lập về các vấn đề thuộc chính sách công trước các cơ quan hành pháp và lập pháp của chính quyền liên bang và tiểu bang. Được thành lập năm 1976, NAICU hiện nay có hơn 800 thành viên trên toàn nước Mỹ thể

hiện sự đa dạng của hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng độc lập, phi lợi nhuận của nước Mỹ. Các trường thành viên bao gồm các trường cao đẳng nghệ thuật tự do, các trường đại học nghiên cứu, các trường cao đẳng công giáo, các trường cao đẳng của người da đen, các trường cao đẳng của nữ giới, các trường cao đẳng 2 năm, các trường luật, y khoa, kỹ thuật công nghệ, kinh doanh và một số ngành nghề khác.

Hiệp hội quốc gia của các trường đại học tiểu bang và các trường cao đẳng được cấp đất (National Assocation of State Universities and Land-Grant Colleges – NASULGC)

1307 New York Avenue NW, Suite 400
Washington, DC 20005-4701
ĐT: (202) 478-6040
Fax: (202) 466-6046
Web site: http://www.nasulgc.org

NASULGC phục vụ cho một phân nhánh đặc biệt của hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng ở Mỹ: đó là các trường đại học quan trọng của tiểu bang và tất cả các trường cao đẳng được cấp đất, trong đó có Trường cao đẳng Samoa và Trường cao đẳng Micronesia. Tổ chức này đóng vai trò là chiếc cầu nối giữa các trường được chính quyền tiểu bang hỗ trợ với chính quyền liên bang, kêu gọi sự quan tâm của cộng đồng đối với những đóng góp các trường này đối với xã hội Mỹ thông qua việc giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng, nâng cao sự hiểu biết của cộng đồng về vai trò của hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng. Phòng Quan hệ liên bang, Quan hệ quốc tế là nơi

cung cấp thông tin về pháp luật và các chương trình có liên quan đến giáo dục quốc tế, cũng như các chương trình nghiên cứu, phát triển. Phòng này còn đóng vai trò liên lạc giữa các trường đại học với các cơ quan chính phủ và các hiệp hội giáo dục có liên quan đến các chương trình giảng dạy và nghiên cứu quốc tế. Các nhân viên của Phòng Quan hệ liên bang, Quan hệ quốc tế làm việc chặt chẽ với các quan chức phụ trách các chương trình quốc tế ở các trường thành viên của NASULGC nhằm giúp việc xây dựng và củng cố các mối quan hệ với các nước đang phát triển, nhất là trong các lĩnh vực hợp tác phát triển và liên minh, liên kết quốc tế.

Tổ chức hoạch định đại học và cao đẳng (Society for College and University Planning – SCUP)

311 Maynard Street
Ann Arbor, MI 48104-221
ĐT: (734) 998-7832
Fax: (734) 998-6532
Email: scup@scup.org
Web site: http://www.scup.org

SCUP được thành lập, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ và áp dụng công tác hoạch định ở các trường đại học và cao đẳng ở tất cả các cấp bậc trong tất cả các tình huống một cách có hiệu quả. Nguyên tắc tổ chức của SCUP là việc hoạch định là rất cần thiết đối với "sức khỏe", sự sống còn và chất lượng của các trường đại học và cao đẳng, nhất là trong thời gian có xảy ra nhiều biến cố quan trọng. Mục tiêu chiến lược chủ yếu của SCUP là

nhận diện và biên soạn những kiến thức bao quát về việc hoạch định giáo dục đại học và cao đẳng – bao gồm mục đích, cách thực hiện và công nghệ – tạo ra một cơ sở dữ liệu thông tin cho tất cả mọi người.

Hiệp hội Giáo dục đại học thường xuyên (University Continuing Education Association – UCEA)

One Dupont Circle NW, Suite 615
Washington, DC 20036
ĐT: (202) 659-3130
Fax: (202) 785-0374
Web site: http://www.nucea.org

Được thành lập năm 1915, UCEA thúc đẩy tạo ra nhiều cơ hội mở rộng cho việc học đại học và cao đẳng thường xuyên với chất lượng cao. Hiệp hội này bao gồm 425 trường đại học và cao đẳng phục vụ các sinh viên theo học các khóa học bán thời gian để lấy bằng hoặc không lấy bằng ở các bậc trước và sau đại học. Hiệp hội này có liên quan đến một số hoạt động và các mối liên kết quốc tế, trong đó có Chương trình Giáo dục thường xuyên Bắc Mỹ và một chương trình hợp tác chính thức với Hội đồng Giáo dục từ xa quốc tế.

Ngân hàng Thế giới (The World Bank Headquarters)

1818 H Street NW
ĐT: (202) 477-1234
Fax: (202) 477-16391

Email: feedback@worldbank.org
Web site: http://www.worldbank.org

Ngân hàng thế giới (WB) là cơ quan hỗ trợ về mặt tài chính lớn nhất cho hệ thống giáo dục trên thế giới. Mỗi năm WB đầu tư khoảng 20 tỉ đô-la Mỹ để cho các nước vay, nhằm phát triển hệ thống giáo dục. WB còn đóng một vai trò quan trọng trong việc phối hợp với các tổ chức của tư nhân, tổ chức chính phủ, tổ chức đa phương và phi chính phủ, nhằm đảm bảo các nguồn lực được sử dụng có hiệu quả trong việc hỗ trợ cho các chương trình phát triển của các nước.

CÁC CƠ QUAN CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Cơ quan Phát triển quốc tế Mỹ (U.S. Agency for International Development – USAID)

Ronald Reagan Federal Building
1300 Pennsylvania Avenue NW
Washington, DC 20523
ĐT: (202) 712-0000
Web site: http://www.info.usaid.gov

USAID hỗ trợ các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ thực hiện các dự án phát triển quốc tế, các chương trình đào tạo dành cho các cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực kỹ thuật và chuyên môn ở các nước đang phát triển và các tổ chức liên kết với các trường đại học ở các nước đang phát triển.

Bộ Giáo dục Mỹ (U.S. Department of Education)

400 Maryland Avenue SW

Washington, DC 20202-0498
ĐT: (800) USA-LEARN
Web site: http://www.ed.gov

Bộ Giáo dục Mỹ hỗ trợ cho hệ thống giáo dục quốc tế thông qua một số chương trình tài trợ. Phần lớn các khoản tài trợ này được dựa trên Mục VI của *Luật Giáo dục đại học và cao đẳng* và bao gồm các chương trình của Các Trung tâm nguồn lực quốc gia trong các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế, Học bổng nghiên cứu khu vực và ngôn ngữ, Các Trung tâm đào tạo kinh doanh quốc tế. Bộ Giáo dục Mỹ cũng tài trợ vốn cho chương trình Fulbright cấp kinh phí cho các khoa của các trường đại học nhằm phục vụ công tác nghiên cứu và làm luận văn nghiên cứu ở nước ngoài. Ngoài ra, thông qua Bộ Giáo dục, Quỹ Phát triển giáo dục đại học và cao đẳng (FIPSE) còn hỗ trợ cho các đề án về phát minh, sáng chế ở các trường đại học và cao đẳng, trong đó có nhiều chương trình nghiên cứu về quốc tế học và ngôn ngữ học; thúc đẩy sự hợp tác giữa các trường đại học ở Mỹ và các trường đại học ở Canada và Mexico.

Thư viện giáo dục quốc gia
(National Library of Education – NLE)

Web site: http://www.ed.gov/NLE

NLE là trung tâm của hệ thống các thư viện, là cơ quan lưu trữ thông tin và một số cơ quan cung cấp thông tin giáo dục khác của quốc gia. NLE phục vụ cho các nhân viên của Bộ Giáo dục, các quan chức của chính phủ liên bang trong đó có Văn phòng Điều

hành của Tổng thống và Quốc hội, cũng như công chúng nói chung.

Hệ thống thông tin giáo dục Mỹ (U.S. network for Education Information - USNEI)

Web site: http://www.ed.gov/NLE/USNEI/HPOB1.html

USNEI là một tổ chức liên bộ và kết hợp giữa nhà với tư nhân, nhằm cung cấp thông tin cho các công dân Mỹ và người nước ngoài có quan tâm đến hệ thống giáo dục của Mỹ và nước ngoài, các cơ hội học tập và giảng dạy ở nước ngoài và thông tin về các nguồn tài trợ liên quan. USNEI cũng là trung tâm thông tin giáo dục quốc gia chính thức của Mỹ.

Bộ các vụ văn hoá và giáo dục tiểu bang Mỹ (U.S. Department of State Bureau of Educational and Cultural Affairs)

2201 C Street NW
Washington, DC 20520
ĐT: (202) 647-4000
Email: inquiry@state.gov
Web site: http://www.state.gov

Cục Văn hóa và Giáo dục của Bộ Ngoại giao Mỹ thực hiện tăng cường sự hiểu biết giữa Mỹ và các nước khác bằng cách hỗ trợ cho các chương trình trao đổi, trong đó có *Chương trình Fulbright* nhằm mục đích trao đổi các học giả, các khoa và các sinh viên; *Chương trình Liên kết đại học* nhằm thúc đẩy

sự liên kết giữa các trường đại học và cao đẳng Mỹ với các trường đại học và cao đẳng nước ngoài; *Chương trình Trao đổi công dân; Chương trình Khách mời quốc tế* nhằm giới thiệu các nhà lãnh đạo quốc tế với Mỹ. Cục Văn hóa và Giáo dục phối hợp với các văn phòng của tiểu bang ở nước ngoài, còn được biết đến là Cục Thông tin Mỹ (US Information Services), nhằm tăng cường mối quan hệ giữa các cá nhân, các nhà chuyên môn, các trường với các công dân và tổ chức ở Mỹ và ở nước ngoài.

Mục Lục

Lời tựa 5

Phần I:
Giới thiệu hệ thống giáo dục đại học
và cao đẳng của Mỹ 7

Phần II:
Các vấn đề liên quan đến việc tuyển sinh,
các khoa, sinh viên và một số hướng dẫn khác 29

Phần III:
Tài trợ cho giáo dục đại học và cao đẳng 55

Phần IV:
Các vấn đề chủ yếu trong hệ thống giáo dục đại học
và cao đẳng Mỹ 63

Phần V:
Các tổ chức và các cơ quan của Chính phủ Mỹ
có liên quan đến giáo dục đại học và cao đẳng 75

TỔNG PHÁT HÀNH

Công ty Văn hóa Phương Nam

940 Đường Ba tháng Hai, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
ĐT: (08) 8663447 - 8663448 * Fax: (84.8) 8663449

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

*** Nhà sách Phú Thọ:** 940 Đường Ba tháng Hai, Q.11, ĐT:8644444-8639205 *** Nhà sách Đại Thế Giới:** 418 Trần Phú, Q.5, ĐT: 8570407-9508175 *** Nhà sách Phương Nam:** 2A Lê Duẩn, Q.1, ĐT: 8229650-8234542 *** Nhà sách Nguyễn Oanh:** 03 Nguyễn Oanh, Q.Gò Vấp, ĐT:8944835-8946561 *** Nhà sách Nguyễn Thái Sơn:** 86A Nguyễn Thái Sơn, Q. Gò Vấp, ĐT:8943246-9850287 *** Nhà sách Phương Nam** *(Coopmart Nguyễn Kiệm):* 571 Nguyễn Kiệm, Q.Gò Vấp, ĐT: 9972475 *** Nhà sách Phương Nam** *(Coopmart Xa lộ Hà Nội):* 191 Quang Trung, Q.9, ĐT: 7307558

HÀ NỘI

Chi nhánh Hà Nội: 23 Lý Nam Đế, Hà Nội
- ĐT: (04)7.472708, Fax: (04)7.472709

Nhà sách Tiền Phong: 175 Nguyễn Thái Học, Hà Nội
- ĐT: (04)7.336.235, Fax: (04)7.336236

HUẾ

Nhà sách Phú Xuân: 131 Trần Hưng Đạo, TP.Huế
- ĐT: (054)522000-522001, Fax: (054)522002

ĐÀ NẴNG

Nhà sách Phương Nam: 68 Phan Chu Trinh, Đà Nẵng
- ĐT: (0511)817017-817027, Fax: (0511)817037

QUẢNG NAM

Hội An thư quán: 06 Nguyễn Thị Minh Khai, TX Hội An, Quảng Nam
- ĐT: (0510)916272, Fax: 916271

Nhà sách Cửa Đại: 28 Cửa Đại, TX Hội An, Quảng Nam
- ĐT: (0510)914441

BÌNH THUẬN

Nhà sách Phương Nam: 70 Nguyễn Huệ, Phan Thiết
- ĐT: (062)817070

AN GIANG

Nhà sách Phương Nam: 317/1 Trần Hưng Đạo, TP.Long Xuyên
- ĐT: (076)943712, Fax: (076)943713

CẦN THƠ

Nhà sách Phương Nam: 06 Hòa Bình,TP Cần Thơ
- ĐT: (071)813436, Fax: (071)813437

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
62 Bà Triệu - Hà Nội.
ĐT: (04) 8229077 - 8229413 - Fax: (04) 8229078
E-mail: nxbthanhnien@yahoo.com.
Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Tp.HCM.
ĐT: (08) 9303262

TỔNG QUAN

VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG CỦA MỸ

Chịu trách nhiệm xuất bản:
MAI THỜI CHÍNH

Chịu trách nhiệm bản thảo: **PHẠM ĐỨC**
Biên tập: **ĐỨC GIA**
Bìa và trình bày: **AZ DESIGN**
Sửa bản in: **NGỌC THỤY**

Đơn vị liên doanh:
CTY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

In 2.000 cuốn, khổ 13 x 19cm tại Xí nghiệp in Công ty Văn hóa Phương Nam. Giấy chấp nhận đăng ký XB số 09/1915/CXB do Cục Xuất bản ký ngày 17-11-2004 và giấy trích ngang KHXB số 321/TN/XBTN ngày 19-10-2004 của NXB Thanh Niên. In và nộp lưu chiểu quí IV năm 2004.

PNC
PHUONG NAM CORP.

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG CỦA MỸ

tổng quan về hệ thống giáo
11
1 004121 600155
10.000 VND
Giá: 10.000Đ